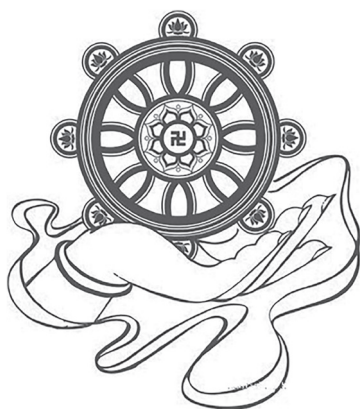


GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

CHÙA KHAI NGUYÊN ÁN HÀNH

NGHI THỨC TỤNG GIỚI TỶ KHIÊU NI



*Giới luật là thọ mạng của Phật Pháp
Giới luật còn thì Phật Pháp còn
Giới luật mất thì Phật Pháp mất*

NAM MÔ BẢN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

PL: 2565 – DL: 2021



Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

NGHI THỨC TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH TỤNG GIỚI

(Chúng tịnh nhân, hình đồng, Sa Di đến trước để trải tòa ngồi, xếp kinh kệ...)

Đại chúng vân tập (Tỷ Khiêu Ni, Thức Xoa, Sa Di, Hình đồng, Tịnh nhân) ngồi trang nghiêm trong giới tràng. Trong thời gian chờ 3 vị đi cầu giáo giới về thì có thể tiến hành kiểm túc số. Nếu đủ vắng thì hỏi trước xem các vị đấy có gửi dục không, nếu không thì sai các vị khác đi gọi.

Kiểm túc số: Vị Duy Na (hay vị Quản chúng hoặc một vị nào đó được giao cho kiểm túc số) bạch rằng:

- Kính bạch chư Đại Đức Ni Tăng từ bi hoan hỷ bố thí cho, hôm nay là ngày chư Phật hoan hỷ, chư Tăng định kỳ thuyết giới (làm lễ Bá tát), con xin được tác bạch túc số thay cho hành trụ. Tại thuyết giới đường (giới tràng)..... hiện tiền có... vị Tỷ Khiêu Ni, ... vị Thức Xoa Ma Na, ... vị Sa Di Ni. (hoặc có...Tỷ Khiêu Ni vắng...vị/đủ; có... Thức xoa, vắng...vị/đủ...). Kính trên chư Đại Đức Ni Tăng hoan hỷ liễu tri.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Khi 3 vị đi cầu giáo giới về thì tất cả đứng dậy chấp tay trang nghiêm nghe lời giáo giới.

Ba vị đi cầu giới về, đứng ở giữa, phía trên. Vị được giao tác bạch trước chúng thì đứng ở giữa và bạch.

VĂN BẠCH CẦU GIÁO GIỚI

(Khi sang bên Tăng và khi trở về bên Ni)

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch trên chư Tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, đại Tăng từ bi hoan hỷ bố thí cho, chúng con có duyên sự ra đi đầu đĩnh lễ, con xin dâng lời tác bạch.

(lễ 1 lễ xong rồi quỳ bạch)

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch trên chư Tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, đại Tăng từ bi hoan hỷ bố thí cho, hôm nay là ngày trưởng tịnh, chư Phật hoan hỷ, chư Tăng làm lễ bá tát thuyết giới. Hợp thời, bên Ni chúng chúng con thanh tịnh hòa hợp ra đi đầu đĩnh lễ cầu trên chư Tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa đại Tăng giáo giới cho bên Ni chúng, chúng con được ân chiêm công đức ạ.

Sau khi bên Tăng giáo giới xong thì đáp bạch rằng:

Nam mô A Di Đà Phật.

Trên chư Tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, đại Tăng đã từ bi hoan hỷ ban giáo giới cho rồi, chị em Ni chúng, chúng con xin được y giáo phụng hành và đầu thành đỉnh lễ cúng dàng tam bái ạ.

(sau khi lễ xong 3 lễ thì lui)

Về bên Ni bạch:

Kính bạch trên chư tôn Đại đức Ni Tăng, từ bi hoan hỷ bố thí cho, hôm nay là ngày trưởng tịnh, chư Phật hoan hỷ, chư Tăng làm lễ bá tát thuyết giới. Chị em chúng con là Tỷ Khiêu Ni:... được Ni Tăng sai sang Đại Tăng cầu giáo giới. Trên chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, đại Tăng có ban giáo sắc rằng:

Bên Ni chúng hãy cùng nhau chung sống hòa hợp, thanh tịnh và cứ y Kinh, y Luật, y Phật sở chế mà Bố Tát như pháp.

Đại chúng đứng chấp tay trang nghiêm, nhất tâm và đồng thanh đọc rằng:

Y GIÁO PHỤNG HÀNH

(3 lần)

Sau đó, đại chúng tiến hành nghi thức lễ Tam Bảo và tụng giới.

NGHI THỨC TỤNG GIỚI TỶ KHIÊU NI

Ai nấy cung kính... Dốc lòng kính lạy
Phật, Pháp, Tăng thường ở khắp mười
phương. (3 lần) ○ ○ ○

Nguyện đem lòng thành kính,
Gửi theo đám mây hương,
Phảng phất khắp mười phương,
Cúng dàng ngôi Tam Bảo.
Thề trọn đời giữ đạo,
Theo tự tính làm lành,
Cùng pháp giới chúng sinh,
Cầu Phật từ gia hộ.
Tâm Bồ Đề kiên cố,
Xa bể khổ sông mê,
Chóng quay về bờ giác.

(1 lễ) ○ ○ ○

Cúng dàng đoạn: Dốc lòng kính lạy
Phật, Pháp, Tăng thường ở khắp mười
phương. (1 lễ) ○ ○ ○

**Con nay xin vì bốn ân, ba cõi Pháp
giới chúng sinh, nguyện cho tam chương
tiêu trừ, dốc lòng sám hối:** (1 lễ) ○ ○ ○

(Xá 1 xá đều quy đọc)

Đệ tử chúng con... xin chí thành sám hối: ○

**Xưa kia gây nên bao ác nghiệp,
Đều vì vô thủy tham, sân, si,
Bởi thân, miệng, ý phát sinh ra,
Hết thấy từ nay xin sám hối.
Bao nghiệp chướng gây nên như thế,
Đều tiêu tan một chút không còn,
Niệm niệm cùng khắp trong cõi pháp,
Độ chúng sinh chứng ngôi Bất thoái.**
(1 lễ) ○ ○ ○

**Sám hối phát nguyện rồi, quy mệnh lễ
Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật cùng Phật,
Pháp, Tăng thường ở khắp mười phương.**
(1 lễ) ○ ○ ○

*(Đại chúng bình tọa. Sau khi ngồi trang nghiêm rồi thì
có thể tiến hành báo túc số)*

- Kính bạch chư Đại Đức Ni Tăng từ bi hoan hỷ bố thí cho, hôm nay là ngày chư Phật hoan hỷ, chư Tăng định kỳ thuyết giới (làm lễ Bá tát), con xin được tác bạch túc số thay cho hành trụ. Tại thuyết giới đường (*giới tràng*)..... hiện tiền có... vị Tỷ Khiêu Ni, ... vị Thức Xoa Ma Na, ... vị Sa Di Ni. (hoặc có...Tỷ Khiêu Ni vắng...vị/đủ; có...Thức xoa, vắng...vị/đủ...). Kính trên chư Đại Đức Ni Tăng hoan hỷ liễu tri. Nam Mô A Di Đà Phật.

(Đều ngồi tụng bài tán hương)

Lư hương vừa bén

Chiên đàn khói thơm

Ngào ngạt muôn ngàn cõi xa

Lòng con kính ngưỡng thiết tha

Nguyện mong chư Phật thương

mà chứng minh.

Nam mô Hương vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.

(3 lần) ◎ ◎ ◎

Giới luật cao sâu rất nhiệm màu,

Muôn đời vạn kiếp khó tìm cầu,

Nay con nghe thấy chuyên gìn giữ,

Trì, Phạm, Khai, Gia nguyện hiểu sâu.

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(3 lần) ◎

Nam Mô Khai Luật Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

(3 lần) ◎ ◎ ◎

Sau đó, vị Thượng tọa (Ni trưởng) cho gọi lần lượt các vị chưa thụ Đại giới vào. Bắt đầu từ Năm giới (Tịnh nhân) xong và đi ra rồi thì mới gọi tiếp Mười giới (Sa di Ni và Thức xoa). Các vị đó quỳ và chấp tay trang nghiêm trước Đại Tăng.

Duy na xướng: Các vị Năm giới đỉnh lễ Đại Tăng 3 lễ chấp tay lắng nghe.

Ni trưởng dạy rằng: Các vị tuân theo lời Phật dạy, nguyện giữ gìn năm giới. Hôm nay là ngày trưởng tịnh, tôi xin nhắc lại để các vị kiểm điểm xem nửa tháng qua có vi phạm vào điều gì không, nếu có vi phạm thì phải lập tức sám hối cho thanh tịnh.

Giới thứ nhất: Không được giết hại chúng sinh. Trên từ Thánh Nhân, Sư, Tăng, Phụ mẫu; dưới cho đến loài bò, bay, cựa, động, côn trùng nhỏ bé, phải có lòng từ bi bảo hộ mạng sống cho nó.

Giới thứ hai: Không được gian tham trộm cắp, vật lớn quý như vàng, bạc, châu báu; vật thường nhỏ như cây kim, cọng cỏ, người ta không cho thì không được lấy.

Giới thứ ba: Không được dâm dục (nếu là Ưu Bà Tắc hay Ưu Bà Di thì nói là không được tà dâm), chẳng những với người mà cho đến loài vật vì đó là hạnh dơ xấu.

Giới thứ tư: Không được nói dối, chẳng những không được nói dối, lại không được nói lời thêu dệt, không được nói lời dối chiểu, không được nói lời hung ác. Vậy phải nói lời chân thật.

Giới thứ năm: Không được uống rượu, là những thứ rượu làm say người, cho đến một giọt cũng không thấm vào môi; vì rượu nó làm trợ duyên sinh ra các tội lỗi và làm mất hạt giống trí tuệ. Nếu có trường hợp khác như bệnh nặng hết phương cứu chữa, phải cần đến thuốc rượu thì được tạm dùng đến khi khỏe nhưng phải bạch cho Tăng biết rồi sau mới được dùng.

- Các vị Ngũ giới, nếu có phạm giới căn bản thì thú tội đứng dậy đi ra. Như có lỗi thì ra chúng sám hối, nếu đều không phạm thì im lặng.

Ni trưởng thỉnh một tiếng chuông, bảo rằng: Chúng năm giới phải lắng tai nghe, thân người khó được, giới pháp khó gặp, thời khắc dễ qua, đạo nghiệp khó thành. Vậy các vị đều phải giữ thân, khẩu, ý cho thanh tịnh, siêng học Kinh, Luật, Luận, kính giữ đừng có buông lung.

- *Đáp: “Y giáo phụng hành”.*

Ni trưởng bảo rằng: Đứng dậy lay 3 lay rồi lui ra. Vị thụ giới trước đi trước.

(Đội ra rồi thì cho gọi chúng Sa Di và Thúc xoa vào)

Ni trưởng bảo: Các vị Sa Di Ni mười giới ra đỉnh lễ Đại Tăng 3 lễ, chấp tay lắng nghe: “Theo lời Phật dạy, Sa Di Ni suốt đời đã lĩnh giữ mười giới. Nay là ngày trưởng tịnh, tôi xin nhắc lại. Các vị gắng mà giữ cho thanh tịnh.”

Giới thứ nhất: Không được giết hại chúng sinh. Trên từ Thánh Nhân, Sư, Tăng, Phụ mẫu; dưới cho đến loài bò, bay, cựa, động, côn trùng nhỏ bé, phải có lòng từ bi bảo hộ mạng sống cho chúng.

Giới thứ hai: Không được gian tham trộm cắp, vật lớn quý như vàng, bạc, châu báu; vật thường nhỏ như cây kim, cọng cỏ, người ta không cho thì không được lấy.

Giới thứ ba: Không được dâm dục, chẳng những với người mà cho đến cả loài vật vì dâm dục là cái nhân sinh tử luân hồi, vì thế nên người xuất gia phải đoạn tuyệt hẳn.

Giới thứ tư: Không được nói dối, chẳng những không được nói dối, mà cũng không được nói lời thêu dệt, không được nói lừa dối chiêu, không được nói lời hung ác, vậy phải nói lời chân thật.

Giới thứ năm: Không được uống rượu, là những thứ rượu làm say người, cho đến một giọt cũng không thấm vào môi; vì rượu nó làm trợ duyên sinh ra các

tội lỗi và làm mất hạt giống trí tuệ. Nếu có trường hợp khác như bệnh nặng hết phương cứu chữa, phải cần đến thuốc rượu thì được tạm dùng nhưng phải tác bạch giữa chúng biết rồi sau mới uống.

Giới thứ sáu: Không được đeo tràng hoa hay ướp nước hoa, xoa hương phấn sáp vào mình, sinh tâm đắm mền mà gây ra các tội lỗi.

Giới thứ bảy: Không được làm trò nhạc, ca múa, hát xướng và không được cố đi xem, nghe. Vì xem, nghe nó khiêu động rồi tâm, gây ra các tội lỗi.

Giới thứ tám: Không được nằm giường cao tốt, rộng lớn vì sợ móng tâm ưa thích mà tổn phúc.

Giới thứ chín: Không được ăn phi thời, trừ khi có bệnh cần phải ăn cơm, cháo cho đủ sức khỏe để tu học. Nhưng ăn phải sinh lòng hổ thẹn.

Giới thứ mười: Không được cầm giữ vàng, bạc, của báu; Trừ có trường hợp khác là giữ gìn của Tam Bảo và theo quốc độ ta

phải có để đi xe qua lại... nhưng coi như lấy vật đổi vật mà không được sinh tâm tham đắm.

- Các vị Sa Di Ni, nếu có phạm giới căn bản thì thú tội đứng dậy đi ra. Như có lỗi thì ra chúng sám hối, nếu đều không phạm thì im lặng.

Ni trưởng thỉnh một tiếng chuông rồi bảo rằng: “Các vị Sa Di Ni lắng nghe, thân người khó được, giới pháp khó gặp, thời khắc dễ qua, đạo nghiệp khó thành. Các vị đều phải giữ thân, khẩu, ý cho thanh tịnh; siêng năng học Kinh, Luật, Luận, kính giữ đừng có buông lung.”

- *Đáp: “Y giáo phụng hành”.*

Sau đó, Thức Xoa cáo rằng: “Bạch Đại đức Ni Tăng! Con là Thức Xoa Ma Na... nửa tháng qua thanh tịnh. Mong Đại Đức Ni Tăng ghi nhận cho.

(3 lần)

Ni trưởng bảo: Tất cả đứng dậy lễ 3 lễ rồi lui ra. Vị thụ giới trước ra trước (theo thứ lớp mà đi ra).

(Đợi ra rồi Ni trưởng tụng)

- Các vị Tỷ Khiêu Ni hãy lắng nghe giới bản.
- *Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.*

(3 lần)

Kinh “Biệt Giải Thoát” khó được nghe,
Trải muôn ngàn kiếp đâu dễ gặp,
Đọc tụng thụ trì cũng như vậy,
Ứng dụng tu hành lại khó hơn.

GIỚI BẢN CỦA TỶ KHIÊU NI

Cúi đầu lễ chư Phật,
Tôn Pháp, Tỷ Khiêu Tăng,
Nay diễn Pháp Tỳ Ni,
Để chính Pháp trường tồn.

Giới như biển không bờ,
Như báu cầu không chán,
Muốn giữ gìn chính Pháp,
Chúng hợp nghe tôi tụng.

Muốn trừ tám Tội khí,
Và diệt tội Tăng tàn,
Ngăn ba mươi Xả đạo,
Chúng họp nghe tôi tụng.

Tỳ Bà Thi, Thức Khí,
Tỳ Xá, Câu Lưu Tôn,
Câu Na Hàm Mâu Ni,
Ca Diếp, Thích Ca Văn.

Các Đại đức Thế Tôn,
Vì chúng thuyết Giới luật,
Tôi nay muốn nhắc rõ,
Các Ngài hãy lắng nghe.

Ví như người què chân,
Không thể đi đâu được,
Người phá giới cũng vậy,
Không thể sinh Trời, Người.

Muốn được sinh lên Trời,
Hoặc sinh lại cõi Người,
Thường phải giữ Giới luật,
Đừng để bị thương tổn.

Như xe vào đường hiểm,
Lo mất chốt, gãy trục,
Phá giới cũng như vậy,
Khi chết lòng sự hãi.

Như người tự soi gương,
Đẹp, xấu sinh vui, buồn,
Thuyết giới cũng như vậy,
Vẹn, hỏng sinh mừng, lo.

Như hai trận giáp chiến,
Gan tiến, nhát thoái lui,
Thuyết giới cũng như vậy,
Nhiêm sợ, tịnh an vui.

Thế gian, vua là lớn,
Sông ngòi, biển rộng hơn,
Các sao, Trăng sáng nhất,
Các Thánh, Phật trên hết.

Trong tất cả các luật,
Giới Kinh là tối thượng,
Như Lai lập cấm giới,
Nửa tháng tụng một lần.

PHÉP YẾT MA HÒA TĂNG

(Thượng Tọa quan sát khắp trong đại chúng. Khi đã ổn định hết rồi mới đánh 3 tiếng chuông)

Ni trưởng hỏi: Tăng họp chưa?

Duy Na đáp: Tăng đã họp.

Hỏi: Hòa hợp không?

Đáp: Hòa hợp.

Hỏi: Người chưa thụ giới Cụ Túc đã ra chưa?

Đáp: Trong đây không có người chưa thụ giới cụ Túc *(hoặc người chưa thụ giới Cụ Túc đã ra)*.

Hỏi: Các vị Tỷ Khiêu Ni không đến tập họp có thuyết dục và thanh tịnh không?

Đáp: (Nếu không có thì đáp) Trong đây không có Tỷ Khiêu Ni thuyết dục và thanh tịnh.

Nếu có thì người nhận dục lập tức chấp tay đáp: “Có” và đứng dậy ra trước Tăng, đỉnh lễ một lễ, quỳ chấp tay bạch: Đại Đức Ni Tăng xin lắng nghe! Con có nhận dục và thanh tịnh của Tỷ Khiêu Ni... Vị ấy đối với các Tăng sự như pháp xin gửi dục và thanh tịnh (1 lần).

Ni trưởng nói: Thiện.

Đáp: Nhĩ ! *(Lại lễ 1 lễ và về chỗ của mình)*

(Đợi vị nhận dục về ổn định an tường tại chỗ của mình rồi, Ni trưởng hỏi tiếp)

Hỏi: Tăng nay hòa hợp để làm gì?

Đáp: Yết-ma thuyết giới.

Ni trưởng bạch Yết-ma: Đại Đức Ni Tăng xin lắng nghe! Hôm nay là ngày 14 (hay 15) tháng bạch (hay hắc), chúng Tăng thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hòa hợp thuyết giới. Bạch như vậy tác bạch có thành không?

(Trong một tháng, ngày 14 gọi là ngày 14 tháng bạch, ngày 15 gọi là ngày 15 tháng bạch; ngày 29 gọi là ngày 14 tháng hắc, ngày 30 gọi là ngày 15 tháng hắc)

Đại chúng chấp tay đồng đáp rằng: Thành!

Bây giờ là... giờ... phút sáng (chiều) ngày... tháng... năm... Trong năm gồm có tất cả 23 kỳ Bố Tát (năm nhuận là 25) hiện

đã qua... kỳ, còn lại... kỳ. Già chết gần kề, Phật Pháp sắp diệt. Các Đại tỷ vì để đắc đạo nên hãy một lòng tinh tiến cần cầu. Vì sao vậy? Vì chư Phật do một lòng tinh tiến cần cầu nên đã chứng đắc quả vị Vô thượng Chính đẳng Chính giác, huống là các đạo phẩm pháp lành khác ư. Mỗi người chúng ta nhân lúc còn khỏe mạnh, phải nỗ lực siêng năng tu các thiện phẩm. Tại sao không chịu cần cầu đạo quả? Mọi việc đâu có thể đợi đến già. Khi già rồi thì còn làm được gì nữa? Ngày nay đã qua, mạng sống giảm dần, như cá cạn nước, nào có vui gì.

(Sau đó, vị Ni trưởng gọi ngẫu nhiên 2 hoặc 3 vị lên thuyết giới hoặc theo danh sách được phân công từ trước. Khi 3 vị lên thuyết giới thì đứng trước Đại Tăng, một vị tác bạch rằng:)

Kính bạch chư Đại đức Ni Tăng, hôm nay là ngày trưởng tịnh, chư Phật hoan hỷ, chư Tăng làm lễ Bá tát, chúng con là Tỷ khiêu ni... được Tăng sai tụng giới, khiêm

khuyết đầu ăn mày trên chư tôn Đức Ni Tăng cùng toàn thể đại chúng từ bi chỉ giáo cho chị em chúng con được ân triêm công đức ạ!

Ni trưởng: Thiện.

Đáp: Nhĩ!

Sau khi đáp xong liền tới vị trí ngôi tụng giới, một vị bạch rằng:

“Kính bạch chư Đại đức Ni Tăng và toàn thể đại chúng từ bi bố thí cho chị em chúng con tập đọc tụng giới, khiếm khuyết đầu xin chư tôn đức Ni Tăng và đại chúng từ bi chỉ giáo cho chị em chúng con được ân triêm công đức ạ.”

(Tiếp đó, các vị được gọi lên lần lượt tụng cho đến hết. Bắt đầu từ lời tựa của giới kinh).

LỜI TỰA CỦA GIỚI KINH

Thưa các Đại tỷ! Nay tôi sẽ tụng giới Ba La Đề Mộc Xoa, các Tỷ Khiêu Ni cùng tập họp tại một chỗ hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ. Nếu ai tự biết mình có phạm giới thì phải sám hối ngay. Ai không phạm hãy im lặng, do sự im lặng, tôi biết các Đại tỷ thanh tịnh. Cũng như một người được ai đó hỏi riêng điều gì thì cứ như thật mà trả lời. Cũng vậy, Tỷ Khiêu Ni nào ở trong chúng, sau ba lần hỏi, nhớ nghĩ mình có tội mà không phát lộ, vị ấy phạm tội cố ý nói dối. Phật dạy: Cố ý nói dối là pháp chương đạo. Tỷ Khiêu Ni nào nhớ biết mình có tội mà muốn thanh tịnh thì nên sám hối. Do sám hối được an lạc.

Thưa các Đại Tỷ! Tôi đã thuyết xong lời tựa của Giới Kinh.

Nay hỏi các Đại tỷ trong đây có thanh tịnh không?

(3 lần) ॐ

Các Đại tỷ trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc ấy xin ghi nhận như vậy. ○ ○ ○

Thưa Đại tỷ! Đây là tám pháp Ba La Di rút ra từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần. ○

(1)- Tỷ Khiêu Ni nào hành pháp dâm dục, phạm hạnh bất tịnh, cho đến cùng với loài súc sinh thì Tỷ Khiêu Ni ấy là kẻ Ba La Di, không được sống chung.

(2)- Tỷ Khiêu Ni nào ở nơi làng mạc, đô thị hay nơi hoang vắng lấy vật không cho với tâm trộm cắp. Tùy theo sự lấy vật không cho ấy mà theo quy định của pháp luật hiện hành, hoặc bị bắt, hoặc bị giết, hoặc bị trói, hoặc bị trục xuất khỏi nước, hoặc bị khiển trách rằng: *“Cô là kẻ trộm, cô là kẻ ngu, cô là kẻ không biết gì”*. Nếu Tỷ Khiêu Ni làm cái việc lấy vật không cho như thế thì Tỷ Khiêu Ni ấy là kẻ Ba La Di không được sống chung.

(3)- Tỷ Khiêu Ni nào cố ý tự tay giết người, hoặc cầm dao đưa cho, hoặc khen ngợi cái chết, ca ngợi sự chết, hoặc khích lệ cho chết, nói rằng: *“Này bạn, ích gì đời sống xấu xa ấy, thà chết còn hơn”*. Với suy nghĩ như vậy, dùng vô số phương tiện để khen ngợi cái chết, ca ngợi sự chết, khuyến khích cho chết. Nếu người kia nhân đó mà chết thì Tỷ Khiêu Ni ấy là kẻ Ba La Di, không được sống chung.

(4)- Tỷ Khiêu Ni nào thật sự không chứng ngộ, mà tự khen ngợi mình rằng: *“Tôi đã chứng đắc pháp của bậc thượng nhân. Tôi đã chứng nhập pháp thù thắng của Thánh trí. Tôi biết pháp này”*. Vị ấy, vào một lúc khác, bị người cật vấn hoặc không bị cật vấn, muốn cho mình được thanh tịnh mà nói rằng: *“Các Đại tỷ! Tôi thật sự không biết, không thấy nhưng đã nói là có biết, có thấy. Đó là lời nói hư dối”*. Ngoại trừ tăng thượng mạn, Tỷ Khiêu Ni ấy là kẻ Ba La Di, không được sống chung.

(5)- Tỷ Khiêu Ni nào có tâm nhiễm ô cùng với người nam cũng có tâm nhiễm ô, hai thân xúc chạm từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên; hoặc bóp, hoặc xoa vuốt, hoặc lôi, hoặc kéo, hoặc xoa bên trên, hoặc sờ bên dưới, hoặc bế lên, hoặc đè xuống, hoặc nắm, hoặc bóp chặt... thì Tỷ Khiêu Ni ấy là kẻ Ba La Di không được sống chung. Đây là bởi vì hai thân xúc chạm nhau.

(6)- Tỷ Khiêu Ni nào có tâm nhiễm ô, biết người nam kia cũng có tâm nhiễm ô mà chấp nhận để họ nắm tay, nắm áo, cùng đi vào chỗ khuất, cùng đứng nói chuyện, cùng đi, hoặc hai thân dựa kề vào nhau, hoặc cùng hẹn hò thì Tỷ Khiêu Ni ấy là kẻ Ba La Di, không được sống chung. Bởi vì đã phạm vào tám việc này.

(7)- Tỷ Khiêu Ni nào biết Tỷ Khiêu Ni khác phạm tội Ba La Di mà không khai báo, không nói cho mọi người biết, không bạch với chúng Tăng. Vào thời gian khác,

vị Tỷ Khiêu Ni phạm tội kia hoặc chết, hoặc bị chúng cử tội, hoặc hoàn tục, hoặc theo ngoại đạo. Tỷ Khiêu Ni này bấy giờ mới nói rằng: *“Trước đây, tôi đã biết cô kia phạm tội như vậy”*. Tỷ Khiêu Ni này là kẻ Ba La Di, không được sống chung, vì đã che giấu tội trọng cho người khác.

(8)- Tỷ Khiêu Ni nào biết Tỷ khiêu đã bị Tăng cử tội đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy mà vị Tỷ Khiêu kia không chịu tuân theo, không chịu sám hối, Tăng cũng chưa tác pháp cho Tỷ Khiêu ấy cộng trụ mà lui tới giúp đỡ tùy thuận. Các Tỷ Khiêu Ni thấy sự việc như vậy nên can gián rằng: *“Này Đại tỷ! Vị Tỷ Khiêu ấy bị Tăng cử tội đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy. Vị Tỷ Khiêu ấy không chịu tuân theo, không chịu sám hối, Tăng cũng chưa tác pháp cho cộng trụ. Đại tỷ chớ tùy thuận, chớ tới lui giúp đỡ”*. Khi được các Tỷ Khiêu Ni can gián như vậy mà Tỷ Khiêu Ni này

vấn cố chấp không bỏ thì các Tỷ Khiêu Ni phải tiếp tục can gián lần thứ hai, lần thứ ba khiến cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ thì Tỷ Khiêu Ni ấy là kẻ Ba La Di, không được sống chung bởi vì thuận theo người bị cử.

Thưa các Đại tỷ! Tôi đã tụng xong tám pháp Ba La Di. Bảy giới đầu vừa làm là phạm; một giới sau cho đến ba lần can gián. Nếu Tỷ Khiêu Ni phạm bất cứ một pháp Ba La Di nào thì không còn được sống chung với các Tỷ Khiêu Ni. Như trước kia khi chưa xuất gia, sau phạm giới cũng vậy. Tỷ Khiêu Ni phạm tội Ba La Di như thế cũng không được sống chung.

Nay hỏi các Đại tỷ trong đây có thanh tịnh không? (3 lần) ○

Các Đại tỷ trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy xin ghi nhận như vậy. ○○○

Thưa các Đại tỷ! Đây là mười bảy pháp Tăng Già Bà Thi Sa, rút ra từ Giới Kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần. ○

(1)- Tỷ Khiêu Ni nào làm mai mối, đem lời người nam nói với người nữ, đem lời người nữ nói với người nam, hoặc để thành việc vợ chồng, hoặc để tư thông với nhau dù chỉ trong chốc lát. Tỷ Khiêu Ni này vừa làm liền phạm Tăng Già Bà Thi Sa.

(2)- Tỷ Khiêu Ni nào tức giận không vui, đem pháp Ba La Di không căn cứ vu khống Tỷ Khiêu Ni khác nhằm mục đích phá hoại đời sống phạm hạnh của vị ấy. Về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc được làm sáng tỏ là không có căn cứ. Tỷ Khiêu Ni này khai rằng: *“Tôi vì tức giận mà nói như vậy”*. Tỷ Khiêu Ni này vừa vu khống rõ ràng liền phạm Tăng Già Bà Thi Sa.

(3)- Tỷ Khiêu Ni nào tức giận không vui, dựa lấy tiểu tiết trong phần sự khác. Đối với Tỷ Khiêu Ni không phạm Ba La Di mà đem pháp Ba La Di không căn cứ vu khống nhằm mục đích phá hoại phạm hạnh của vị ấy. Về sau, dù bị cật vấn hay

không bị cật vấn, sự việc được biết là dựa lấy tiểu tiết trong phần sự khác. Tỷ Khiêu Ni bị sự tức giận sai sử nên nói lời vu khống rõ ràng liên phạm Tăng Già Bà Thi Sa.

(4)- Tỷ Khiêu Ni nào đến các cấp chính quyền thừa kiện cư sĩ, hoặc con của nhà cư sĩ, hoặc người ở, hoặc người làm thuê. Hoặc đến vào ban ngày, hoặc đến vào ban đêm mà thời gian dù chỉ bằng khảy móng tay, chỉ bằng một niệm, một tu-du. Tỷ Khiêu Ni này vừa làm như vậy liên phạm Tăng Già Bà Thi Sa.

(5)- Tỷ Khiêu Ni nào đã biết trước rằng cô gái kia là kẻ phạm pháp đáng tội chết, mọi người đều biết rõ mà chưa được nhà nước, chính quyền hoặc dòng họ cho phép bèn độ cho xuất gia thụ giới Cụ túc. Tỷ Khiêu Ni này làm như vậy liên phạm Tăng Già Bà Thi Sa.

(6)- Tỷ Khiêu Ni nào biết Tỷ Khiêu Ni kia bị Tăng cử tội đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy nhưng

ương bướng không chịu tuân theo, không chịu sám hối, Tăng cũng chưa tác yết-ma cho cộng trụ mà do tư tình nên không hỏi Tăng, Tăng không sai bảo lại xuất giới làm yết-ma giải tội cho vị bị cử kia, liền phạm Tăng Già Bà Thi Sa.

(7)- Tỳ Khiêu Ni nào lội qua nước một mình, vào làng một mình, ngủ lại một mình, đi sau một mình thì liền phạm Tăng Già Bà Thi Sa.

(8)- Tỳ Khiêu Ni nào có tâm nhiễm ô biết người nam cũng có tâm nhiễm ô mà nhận thức ăn và các vật khác. Tỳ Khiêu Ni này vừa nhận liền phạm Tăng Già Bà Thi Sa.

(9)- Tỳ Khiêu Ni nào dạy Tỳ Khiêu Ni khác rằng: *“Đại tỳ! Người ta có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô thì có can hệ gì đến mình. Tự chị không có tâm nhiễm ô thì khi họ dâng cúng thức ăn, hợp thời thanh tịnh cứ nhận”*. Tỳ Khiêu Ni này vừa nói như vậy liền phạm Tăng Già Bà Thi Sa.

(10)- Tỷ Khiêu Ni nào muốn phá hoại hòa hợp Tăng, tiến hành phá hoại hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián Tỷ Khiêu Ni này rằng: *“Đại tỷ! Đại tỷ chớ phá hòa hợp Tăng, chớ tiến hành phá hòa hợp Tăng, chớ chấp chặt pháp phá hoại hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Đại tỷ nên cùng Tăng hòa hợp, cùng Tăng hòa hợp hoan hỷ không tranh chấp, cùng học một thầy, hòa hợp như nước với sữa thì trong Phật Pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc”*. Các Tỷ Khiêu Ni can gián như vậy mà Tỷ Khiêu Ni này vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng Già Bà Thi Sa.

(11)- Tỷ Khiêu Ni nào có các Tỷ Khiêu Ni khác làm bè đảng, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, cho đến vô số người. Tỷ Khiêu Ni bè đảng nói với chúng Tỷ Khiêu Ni rằng: *“Đại tỷ! Chớ can gián Tỷ Khiêu Ni ấy. Tỷ*

Khiêu Ni ấy là Tỷ Khiêu Ni nói đúng pháp, là Tỷ Khiêu Ni nói đúng luật. Những điều Tỷ Khiêu Ni ấy nói, chúng tôi ưa thích. Những điều mà Tỷ Khiêu Ni ấy nói chúng tôi chấp nhận”. Chúng Tỷ Khiêu Ni nên can gián Tỷ Khiêu Ni bè đảng rằng: “Đại tỷ! Chớ nói Tỷ Khiêu Ni ấy là Tỷ Khiêu Ni nói đúng pháp, là Tỷ Khiêu Ni nói đúng luật, những điều Tỷ Khiêu Ni ấy nói chúng tôi ưa thích. Những điều Tỷ Khiêu Ni ấy nói, chúng tôi chấp nhận. Vì sao? Vì những điều Tỷ Khiêu Ni ấy nói không đúng như pháp, không đúng như luật. Đại tỷ! Chớ cố ý phá hoại hòa hợp Tăng. Các Đại tỷ nên hoan hỷ hòa hợp Tăng. Đại tỷ cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, cùng học một thầy, hòa hợp như nước với sữa thì trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc”. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián như vậy mà Tỷ Khiêu Ni nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng Già Bà Thi Sa.

(12)- Tỳ Khiêu Ni nào sống nơi thành ấp hoặc trong xóm làng mà làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Có hành vi xấu, mọi người đều thấy đều nghe; làm hoen ố nhà người, mọi người đều thấy đều nghe. Các Tỳ Khiêu Ni nên can gián Tỳ Khiêu Ni này rằng: *“Đại tỳ làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Có hành vi xấu, mọi người đều thấy đều nghe; làm hoen ố nhà người, mọi người đều thấy đều nghe. Đại tỳ làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nay nên xa lánh xóm làng này, không nên sống ở đây nữa”*. Tỳ Khiêu Ni này nói với các Tỳ Khiêu Ni rằng: *“Đại tỳ! Các Đại tỳ có sự thiên lệch, có sân giận, có sợ hãi, có bất minh vì cũng có các Tỳ Khiêu Ni cùng phạm tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi”*. Các Tỳ Khiêu Ni nên trả lời Tỳ Khiêu Ni này rằng: *“Đại tỳ chớ nói rằng: Các Tỳ Khiêu Ni có sự thiên lệch, có sân giận, có sợ hãi, có bất minh nên các Tỳ Khiêu Ni cùng phạm tội như*

vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Vì sao? Vì các Tỷ Khiêu Ni không có sự thiên lệch, không có sân giận, không có sợ hãi, không có bất minh. Chẳng phải có các Tỷ Khiêu Ni cùng phạm tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Đại tỷ đã làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Có hành vi xấu, mọi người đều thấy đều nghe; làm hoen ố nhà người, mọi người đều thấy đều nghe”. Tỷ Khiêu Ni này khi được can gián mà kiên trì không bỏ. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng Già Bà Thi Sa.

(13)- Tỷ Khiêu Ni nào có tính ngoan cố không nghe lời khuyên, đã được các Tỷ Khiêu Ni khuyên can đúng pháp đối với những điều trong học giới. Tỷ Khiêu Ni này tự mình không chịu nghe lời khuyên can lại còn nói: “Các Đại tỷ chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các Đại tỷ điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại

tỷ hãy thôi đi, chớ luôn can gián tôi”. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián Tỷ Khiêu Ni này rằng: *“Đại tỷ chớ tự mình không nhận lời can gián. Đại tỷ tự mình nên nhận lời can gián. Đại tỷ hãy như pháp can gián các Tỷ Khiêu Ni; các Tỷ Khiêu Ni cũng sẽ như pháp can gián Đại Tỷ. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, can gián lẫn nhau, chỉ bảo cho nhau, sám hối với nhau”.* Tỷ Khiêu Ni này khi được can gián mà kiên trì không bỏ. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng Già Bà Thi Sa.

(14)- Tỷ Khiêu Ni nào cùng nhau gần gũi ở chung, cùng làm hạnh xấu, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt che giấu tội lỗi cho nhau. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián Tỷ Khiêu Ni này rằng: *“Đại tỷ! Các Đại tỷ chớ thân cận nhau, cùng làm hạnh xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che giấu tội lỗi cho nhau. Các Đại tỷ nếu không thân cận nhau thì ở trong*

Phật Pháp được tăng ích, sống an lạc”. Các Tỷ Khiêu Ni can gián như vậy mà Tỷ Khiêu Ni này vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng Già Bà Thi Sa.

(15)- Tỷ Khiêu Ni Tăng đang tác yết-ma quả trách các vị Tỷ Khiêu Ni sống thân cận nhau, cùng làm hạnh xấu thì có vị Tỷ Khiêu Ni khác xúi các vị ấy rằng: *“Các chị đừng sống riêng, cứ nên sống chung với nhau. Tôi cũng thấy vẫn có các Tỷ Khiêu Ni khác không sống riêng, họ cùng sống chung, cùng làm hạnh xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che giấu tội lỗi cho nhau. Chúng Tăng ở đây vì ghét nên bảo các chị ở riêng”*. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián Tỷ Khiêu Ni xúi giục này rằng: *“Đại tỷ chớ có bảo các Tỷ Khiêu Ni kia rằng: Các chị đừng có ở riêng. Tôi cũng thấy vẫn có các Tỷ Khiêu Ni cùng sống chung, cùng làm hạnh xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che giấu tội lỗi*

cho nhau. Chúng Tăng ở đây vì ghét nên bảo các chị ở riêng. Nay chính thức chỉ có hai vị Tỷ Khiêu này cùng sống chung, cùng làm hạnh xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che giấu tội lỗi cho nhau chứ không có ai khác. Nếu các Tỷ Khiêu Ni này sống riêng thì trong Phật Pháp mới được tăng ích, sống an lạc”. Các Tỷ Khiêu Ni can gián như vậy mà Tỷ Khiêu Ni này vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng Già Bà Thi Sa.

(16)- Tỷ Khiêu Ni nào chỉ vì một chút việc nhỏ, tức giận không vui liền vội nói rằng: *“Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Chẳng phải chỉ có duy nhất Sa-môn Thích tử mới tu phạm hạnh mà còn có các Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến tu phạm hạnh ở chỗ họ”*. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián Tỷ Khiêu Ni này rằng: *“Đại tỷ chớ vì một chút việc nhỏ, tức giận không vui mà liền vội*

nói: Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Chẳng phải chỉ có duy nhất Sa-môn Thích tử mới tu phạm hạnh mà còn có các Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng tu phạm hạnh, chúng tôi cũng có thể đến tu phạm hạnh ở chỗ họ". Nếu khi được các Tỷ Khiêu Ni can gián như vậy mà Tỷ Khiêu Ni này vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng Già Bà Thi Sa.

(17)- Tỷ Khiêu Ni nào ưa đấu tranh nhưng lại không khéo ghi nhớ sự việc đấu tranh. Về sau cáu giận nói rằng: *"Tăng có thiên lệch, có sân giận, có sợ hãi, có bất minh"*. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián Tỷ Khiêu Ni này rằng: *"Đại tỷ chớ ưa thích đấu tranh, không khéo ghi nhớ sự việc đấu tranh. Sau lại cáu giận nói rằng: Tăng có thiên lệch, có sân giận, có sợ hãi, có bất minh". Nhưng Tăng không có thiên lệch, không có sân giận, không có sợ hãi, không*

có bất minh”. Khi được các Tỷ Khiêu Ni can gián như vậy mà Tỷ Khiêu Ni này vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng Già Bà Thi Sa.

Thưa các Đại tỷ! Tôi đã tụng xong mười bảy pháp Tăng Già Bà Thi Sa. Chín giới đầu, vừa làm là phạm; Tám giới còn lại phải sau ba lần can gián. Nếu Tỷ Khiêu Ni phạm bất cứ một pháp nào trong mười bảy pháp này, cần phải bắt buộc cho hành nửa tháng Ý hỷ giữa hai bộ Tăng. Hành Ý hỷ xong mới cho xuất tội. Khi xuất tội cho Tỷ Khiêu Ni này thì phải trong hai bộ Tăng-Ni gồm bốn mươi vị. Nếu thiếu một người, không đủ bốn mươi vị thì tội của Tỷ Khiêu Ni này không trừ được và các Tỷ Khiêu Ni tác pháp giải tội cũng mắc tội. Như thế là hợp thức.

Nay hỏi các Đại tỷ trong đây có thanh tịnh không?

(3 lần) o

Các Đại tỷ trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc ấy xin ghi nhận như vậy. ○ ○ ○

Thưa các Đại tỷ! Đây là ba mươi pháp Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề, rút ra từ Giới Kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần. ○

(1)- Tỷ Khiêu Ni nào, năm y đã đủ, y Công Đức đã xả, cất chứa y dư, trong mười ngày không tịnh thí được phép chứa. Nếu quá, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(2)- Tỷ Khiêu Ni nào, năm y đã đủ, y Công Đức đã xả, lìa bất cứ y nào trong năm y ngủ đêm ở chỗ khác, đã trải qua một đêm, trừ Tăng yết-ma cho phép, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(3)- Tỷ Khiêu Ni nào, năm y đã đủ, y Công Đức đã xả. Nếu Tỷ Khiêu Ni nhận được vải phi thời, cần thì nhận. Nhận xong phải nhanh chóng may thành y. Vải đủ thì tốt, nếu không đủ thì được phép chứa một tháng vì để đợi cho đủ. Nếu chứa quá một tháng, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(4)- Tỷ Khiêu Ni nào, xin y từ cư sĩ nam hay cư sĩ nữ không phải thân quyến, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề, trừ trường hợp đặc biệt. Trường hợp đặc biệt là nếu Tỷ Khiêu Ni y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi. Đây gọi là trường hợp đặc biệt.

(5)- Tỷ Khiêu Ni nào, y bị mất, y bị cướp, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi. Nếu có cư sĩ nam hay cư sĩ nữ không phải thân quyến đem cúng nhiều y và yêu cầu tùy ý nhận. Nếu nhận quá, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(6)- Tỷ Khiêu Ni nào, có cư sĩ nam hay cư sĩ nữ vì Tỷ Khiêu Ni để dành tiền sắm y, định mua y như vậy, cúng cho Tỷ Khiêu Ni có tên như vậy. Tỷ Khiêu Ni này trước chưa nhận được lời thỉnh tùy ý mà đến nhà cư sĩ, nói như sau: *“Lành thay cư sĩ! Nên chuẩn bị tiền để mua một chiếc y như thế cho tôi”*. Bởi vì muốn đẹp nên nếu nhận được y, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(7)- Tỷ Khiêu Ni nào, có hai nhà cư sĩ nam hay cư sĩ nữ để dành tiền sắm y cho Tỷ Khiêu Ni. Mỗi nhà đều nghĩ rằng: *“Chúng ta sẽ chuẩn bị một chiếc y như vậy để cúng cho Tỷ Khiêu Ni có tên như vậy”*. Tỷ Khiêu Ni này trước chưa nhận lời thỉnh tùy ý của hai nhà cư sĩ mà đến hai nhà cư sĩ nói lời như sau: *“Lành thay cư sĩ! Đã chuẩn bị tiền sắm y. Hãy chung lại để mua một chiếc y như thế, như thế cho tôi”*. Bởi vì muốn đẹp nên nếu nhận được y, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(8)- Tỷ Khiêu Ni nào, hoặc Vua hoặc đại thần, hoặc Bà-la-môn, hoặc cư sĩ nam hay cư sĩ nữ sai sứ giả đem số tiền sắm y đến cúng cho Tỷ Khiêu Ni. Họ bảo với sứ giả rằng: *“Hãy đem số tiền sắm y này đến cúng cho Tỷ Khiêu Ni có tên như vậy”*. Người sứ giả ấy đến chỗ Tỷ Khiêu Ni, nói với Tỷ Khiêu Ni rằng: *“Sư bà! Số tiền sắm y này được gửi đến Sư bà, mong sư bà hãy nhận”*. Tỷ Khiêu Ni này nên nói với sứ giả rằng: *“Tôi không được phép nhận số tiền may y*

này. Khi nào cần y, hợp thời và thanh tịnh thì tôi sẽ nhận". Sứ giả có thể hỏi Tỷ Khiêu Ni rằng: *"Sư bà có người chấp sự không?"* Tỷ Khiêu Ni cần y nên nói: *"Có"* và chỉ một tịnh nhân Tăng già lam, hoặc một Ưu bà di và nói rằng: *"Đó là người chấp sự cho Tỷ Khiêu Ni, thường giúp đỡ các Tỷ Khiêu Ni"*. Lúc đó, sứ giả bèn tìm đến chỗ người chấp sự, trao số tiền sắm y, rồi trở lại chỗ Tỷ Khiêu Ni, nói như sau: *"Sư bà! Tôi đã trao số tiền sắm y cho người chấp sự được chỉ định. Khi nào cần, sư bà hãy đến chỗ người ấy sẽ được y"*. Tỷ Khiêu Ni đến lúc cần y thì nên đến chỗ người chấp sự; hoặc hai lần, hoặc ba lần, cho nhớ lại, bằng cách nói rằng: *"Tôi cần y"*. Nếu nhận được y thì tốt. Bằng không nhận được y thì bốn lần, năm lần, sáu lần, đứng im lặng trước người ấy để gợi nhớ lại. Nếu bốn lần, năm lần, sáu lần, đứng im lặng trước người ấy, được y thì tốt. Nếu không được y, lại cố đến cầu quá giới hạn ấy mà nhận được y, Ni Tát Kỳ

Ba Dật Đề. Nếu không được y thì Tỷ Khiêu Ni phải tự mình hay nhờ người đến chỗ người xuất tiền sắm y, nói rằng: “Trước đây các vị có sai người cầm tiền sắm y đến cho Tỷ Khiêu Ni tên như vậy nhưng Tỷ Khiêu Ni ấy cuối cùng không nhận được y. Các vị hãy lấy lại, đừng để mất”. Như vậy là hợp thức.

(9)- Tỷ Khiêu Ni nào tự tay mình nhận lấy vàng, bạc hoặc tiền hay bảo người khác nhận lấy; hoặc nói: “Vâng! Ừ!” để nhận, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(10)- Tỷ Khiêu Ni nào mua bán bảo vật dưới mọi hình thức, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(11)- Tỷ Khiêu Ni nào kinh doanh dưới mọi hình thức, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(12)- Tỷ Khiêu Ni nào đang có bát vá dưới năm chỗ, không chảy rỉ mà tìm xin bát mới vì muốn đẹp, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Tỷ Khiêu Ni này phải đem bát mới đến xả trong Ni chúng, lần lượt theo thứ tự đổi cho đến vị hạ tọa nhỏ nhất trong chúng.

Lấy bát của Hạ tọa trao cho Tỷ Khiêu Ni này nói rằng: *“Em hãy giữ gìn bát này cho đến vỡ”*. Như vậy là hợp thức.

(13)- Tỷ Khiêu Ni nào tự mình xin chỉ sợi, nhờ thợ dệt không phải thân quyến dệt y, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(14)- Tỷ Khiêu Ni nào, có cư sĩ nam hay cư sĩ nữ sai thợ dệt, dệt y cho Tỷ Khiêu Ni. Tỷ Khiêu Ni này trước chưa nhận thỉnh tùy ý của nhà cư sĩ bèn đến chỗ thợ dệt, nói với thợ dệt rằng: *“Y này vốn làm cho tôi. Hãy dệt cho thật đẹp, dài rộng, bền chắc, ngay ngắn tề chỉnh. Tiền công hết thêm bao nhiêu, tôi sẽ trả”*. Tỷ Khiêu Ni này trả thêm tiền công, giá trị thậm chí chỉ bằng một bữa ăn, khi nhận được y, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(15)- Tỷ Khiêu Ni nào trước đã cho Tỷ Khiêu Ni khác y. Về sau tức giận, tự mình đoạt hay sai người đoạt lại, nói rằng: *“Hãy*

trả lại y cho tôi, tôi không cho Đại tỷ nữa”. Tỷ Khiêu Ni kia trả lại, nếu Tỷ Khiêu Ni này nhận lấy, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(16)- Tỷ Khiêu Ni nào có bệnh thì được cất chứa các loại thuốc như bơ, dầu ăn, sinh tô, mật ong, đường phèn; được cất dùng cách đêm trong thời hạn bảy ngày. Nếu quá bảy ngày mà còn uống dùng, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(17)- Tỷ khiêu Ni nào, còn mười ngày nữa mới hết ba tháng hạ an cư. Các Tỷ Khiêu Ni nhận được y “cấp thí”. Tỷ Khiêu Ni biết đó là y cấp thí thì nên nhận. Nhận xong được phép chứa đến hết thời của y. Nếu hết thời của y mà còn cất chứa, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(18)- Tỷ Khiêu Ni nào biết vật đó định cúng cho Tăng mà tự xoay về cho mình, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(19)- Tỷ Khiêu Ni nào cần xin vật này được rồi, không lấy lại đòi vật kia, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(20)- Tỳ Khiêu Ni nào biết **Đàn Việt** cúng vật cho **Tăng** để làm việc này lại xoay sang dùng việc khác, **Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề**.

(21)- Tỳ Khiêu Ni nào được thí chủ cúng vật để dùng vào việc này, tự mình lại vì **Tăng** xoay sang dùng việc khác, **Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề**.

(22)- Tỳ Khiêu Ni nào, **Đàn Việt** cúng tài vật để dùng riêng cho việc này lại xoay sang dùng việc khác, **Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề**.

(23)- Tỳ Khiêu Ni nào, **Đàn Việt** cúng vật để dùng riêng cho việc này, tự mình lại vì **Tăng** xoay sang dùng việc khác, **Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề**.

(24)- Tỳ Khiêu Ni nào chứa bát dư, **Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề**.

(25)- Tỳ Khiêu Ni nào chứa nhiều vật dụng có màu sắc, hình dáng, kiểu cách tốt đẹp, **Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề**.

(26)- Tỳ Khiêu Ni nào hứa cho **Tỳ Khiêu Ni** khác “bệnh y” (bvs) dùng khi nguyệt kỳ, về sau không đưa cho, **Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề**.

(27)- Tỷ Khiêu Ni nào đem y phi thời dùng làm y đúng thời, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(28)- Tỷ Khiêu Ni nào trao đổi y với Tỷ Khiêu Ni khác. Về sau, vì tức giận nên hoặc tự đoạt lại hay sai người đoạt lại, nói rằng: *“Trả lại y cho tôi, tôi không đổi với cô nữa. Y của cô trả lại cho cô; y của tôi phải trả lại tôi”*, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(29)- Tỷ Khiêu Ni nào xin y dày nhiều lớp, giá trị chỉ được phép bằng bốn trương điệp. Nếu quá, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

(30)- Tỷ Khiêu Ni nào định xin y mỏng nhẹ, giá trị cao nhất được phép là hai trương điệp rưỡi. Nếu quá, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

Thưa các Đại tỷ! Tôi đã tụng xong ba mươi pháp Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

Nay hỏi các Đại tỷ trong đây có thanh tịnh không? (3 lần) ◉

Các Đại tỷ trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc ấy xin ghi nhận như vậy. ◉ ◉ ◉

Thưa các Đại tỷ! Đây là một trăm bảy mươi tám pháp Ba Dật Đề, rút ra từ Giới Kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần. ○

(1)- Tỷ Khiêu Ni nào cố ý nói dối, Ba Dật Đề.

(2)- Tỷ Khiêu Ni nào nói lời nhục mạ, khinh miệt, Ba Dật Đề.

(3)- Tỷ Khiêu Ni nào nói lời ly gián, Ba Dật Đề.

(4)- Tỷ Khiêu Ni nào ngủ đêm chung nhà với người nam, Ba Dật Đề.

(5)- Tỷ Khiêu Ni nào ngủ đêm chung nhà với người nữ chưa thụ đại giới. Nếu quá ba đêm, Ba Dật đề.

(6)- Tỷ Khiêu Ni nào cùng đọc tụng giới pháp Tỳ Ni với người chưa thụ đại giới, Ba Dật Đề.

(7)- Tỷ Khiêu Ni nào biết vị khác phạm tội thô ác, đem nói với người chưa thụ đại giới, trừ Tăng yết-ma cho phép, Ba Dật Đề.

(8)- Tỷ Khiêu Ni nào hướng đến người chưa thụ đại giới nói mình chứng pháp

Thượng nhân rằng: *“Tôi thấy như vậy, tôi biết như vậy”*. Nếu điều đó là sự thật, Ba Dật Đề.

(9)- Tỷ Khiêu Ni nào thuyết pháp cho người nam quá năm, sáu lời, trừ khi có mặt người nữ có trí, Ba Dật Đề.

(10)- Tỷ Khiêu Ni nào tự tay mình đào đất hoặc bảo người khác đào, Ba Dật Đề.

(11)- Tỷ Khiêu Ni nào phá hoại cây cỏ, mầm sống, Ba Dật Đề.

(12)- Tỷ Khiêu Ni nào cố ý nói dối quanh gây xúc não cho vị khác, Ba Dật Đề.

(13)- Tỷ Khiêu Ni nào chê bai, nói xấu Tri sự Tăng, Ba Dật Đề.

(14)- Tỷ Khiêu Ni nào tự tay mình hay bảo người khác mang giường nằm, ghế ngồi, đệm nằm, đệm ngồi hoặc chăn, chiếu của Tăng ra bày trải ở nơi đất trống để nằm, ngồi. Khi bỏ đi không tự mình cất dọn, cũng không nhờ người cất dọn, Ba Dật Đề.

(15)- Tỷ Khiêu Ni nào, ở trong Tăng phòng lấy ngọa cụ của Tăng rồi tự mình

bày trải hoặc bảo người bày trải để nằm hoặc ngồi. Khi bỏ đi khỏi cương giới, không tự mình cất cũng không nhờ người cất, Ba Dật Đề.

(16)- Tỷ Khiêu Ni nào biết Tỷ Khiêu Ni khác đến trước đã dọn trải chỗ nghỉ ở đó rồi. Mình là người đến sau, cố trải ngọa cụ chen vào giữa để nghỉ đêm với ý nghĩ rằng: “Vị ấy nếu hiềm chật sẽ tự tránh đi chỗ khác”. Hành động vì nhân duyên ấy chứ không gì khác. Như vậy không đúng uy nghi, Ba Dật Đề.

(17)- Tỷ Khiêu Ni nào tức giận Tỷ Khiêu Ni khác nên không vui, ở trong phòng của chúng Tăng mà tự mình lôi hay bảo người khác lôi ra, Ba Dật Đề.

(18)- Tỷ Khiêu Ni nào tại Tăng phòng trên tầng gác mà nằm hay ngồi trên giường, ghế bằng chân lấp, Ba Dật Đề.

(19)- Tỷ Khiêu Ni nào biết trong nước có trùng, tự mình hoặc bảo người dùng tưới lên bùn hay cỏ, Ba Dật Đề.

(20)- Tỳ Khiêu Ni nào làm phòng xá lớn có cánh cửa, khung cửa sổ và các thứ trang sức khác. Hướng dẫn người lợp mái tranh chỉ ngang bằng hai, ba lớp. Nếu quá, Ba Dật Đề.

(21)- Tỳ Khiêu Ni nào ở nơi chỉ cúng mỗi người một bữa ăn. Tỳ Khiêu Ni không bệnh chỉ nên nhận một bữa. Nếu quá, Ba Dật Đề.

(22)- Tỳ Khiêu Ni nào ăn biệt chúng, trừ các trường hợp khác, Ba Dật Đề. Các trường hợp khác là khi bệnh, khi may y, khi được cúng y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội, khi Sa-môn thí thực. Đây là trường hợp khác.

(23)- Tỳ Khiêu Ni nào đến nhà Đàn Việt được ân cần mời cúng cho hoặc bánh hoặc bột. Tỳ Khiêu Ni nếu cần thì nên nhận hai, ba bát; đem về trong chùa nên chia cho các Tỳ Khiêu Ni khác cùng ăn. Nếu Tỳ Khiêu Ni không bệnh mà nhận quá ba bát; đem

về trong chùa cũng không chia cho các Tỷ Khiêu Ni khác cùng ăn, Ba Dật Đề.

(24)- Tỷ Khiêu Ni nào ăn phi thời, Ba Dật Đề.

(25)- Tỷ Khiêu Ni nào ăn thức ăn mà mình cất chứa cách đêm trong cùng giới, Ba Dật Đề.

(26)- Tỷ Khiêu Ni nào đưa vào miệng thức ăn hoặc thuốc không được trao nhận, trừ nước và tắm, Ba Dật Đề.

(27)- Tỷ Khiêu Ni nào đã nhận thỉnh, trước bữa ăn hay sau bữa ăn đi đến nhà khác mà không dặn bảo cho Tỷ Khiêu Ni khác biết, trừ các trường hợp khác, Ba Dật Đề. Các trường hợp khác là khi bệnh, khi may y, khi được cúng y. Đây là các trường hợp khác.

(28)- Tỷ Khiêu Ni nào, trong “nhà ăn” có “cửa báu” mà cố nán ngồi, Ba Dật Đề.

(29)- Tỷ Khiêu Ni nào, trong “nhà ăn” có “cửa báu” mà ngồi chỗ khuất, Ba Dật Đề.

(30)- Tỷ Khiêu Ni nào một mình và một người nam cùng ngồi ở chỗ trống, Ba Dật Đề.

(31)- Tỷ Khiêu Ni nào nói với Tỷ Khiêu Ni khác như sau: *“Đại tỷ! Hãy cùng tôi vào tỳ lạc, tôi sẽ cho Đại tỷ thức ăn”*. Tỷ Khiêu Ni kia nghe lời đi theo đến tỳ lạc, nhưng rốt cục Tỷ Khiêu Ni này không bảo thí chủ cúng cho Tỷ Khiêu Ni kia thức ăn, mà còn nói lời đuổi khéo rằng: *“Đại tỷ hãy đi chỗ khác đi. Ở cùng một chỗ với Đại tỷ, cùng nói chuyện với Đại tỷ chỉ thêm bức mình. Tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình còn vui hơn”*. Chỉ với mục đích như vậy chứ không gì khác là cố tình đuổi đi, Ba Dật Đề.

(32)- Tỷ Khiêu Ni nào được thỉnh cầu nhận các loại thuốc trong vòng bốn tháng. Tỷ Khiêu Ni không bệnh có thể nhận. Nếu quá hạn mà còn nhận, trừ trường hợp thỉnh thường xuyên, thỉnh tiếp tục, thỉnh chia phần, thỉnh suốt đời, Ba Dật Đề.

(33)- Tỷ Khiêu Ni nào đi xem quân trận, trừ khi có nhân duyên, Ba Dật Đề.

(34)- Tỷ Khiêu Ni nào có nhân duyên, được phép đến trong doanh trại quân đội ngủ lại hai, ba đêm. Nếu quá, Ba Dật Đề.

(35)- Tỷ Khiêu Ni nào ở trong doanh trại quân đội hai, ba đêm, khi xem quân đội diễn tập, hoặc xem thế lực của tượng binh, kỵ binh, Ba Dật Đề.

(36)- Tỷ Khiêu Ni nào uống rượu, Ba Dật Đề.

(37)- Tỷ Khiêu Ni nào đùa giỡn trong nước, Ba Dật Đề.

(38)- Tỷ Khiêu Ni nào lấy ngón tay chọc cù Tỷ Khiêu Ni khác, Ba Dật Đề.

(39)- Tỷ Khiêu Ni nào không nghe lời can gián, Ba Dật Đề.

(40)- Tỷ Khiêu Ni nào dọa nhát Tỷ Khiêu Ni khác, Ba Dật Đề.

(41)- Tỷ Khiêu Ni nửa tháng tắm một lần, Tỷ Khiêu Ni không bệnh nên thụ trì. Nếu vi phạm, Ba Dật Đề, trừ các trường

hợp khác. Các trường hợp khác là thời gian nóng, khi bệnh, khi chấp tác, khi gió, khi mưa, khi đi xa về.

(42)- Tỷ Khiêu Ni nào không bệnh, để sưởi ấm mà tự mình đốt hoặc bảo người đốt lửa ở nơi đất trống, trừ khi có nhân duyên, Ba Dật Đề.

(43)- Tỷ Khiêu Ni nào giấu hoặc bát, hoặc y, hoặc tọa cụ, ống đựng kim, tự mình giấu hay bảo người giấu dù để đùa giỡn, Ba Dật Đề.

(44)- Tỷ Khiêu Ni nào đã cho y đến Tỷ Khiêu, Tỷ Khiêu Ni, Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni, về sau không hỏi chủ mà lấy mặc, Ba Dật Đề.

(45)- Tỷ Khiêu Ni khi nhận được y mới phải dùng một trong ba màu: Xanh, Đen, Mộc Lan nhuộm cho hoại sắc. Nếu Tỷ Khiêu Ni nhận được y mới, không dùng một trong ba màu: Xanh, Đen, Mộc Lan nhuộm cho hoại sắc mà mặc nguyên y mới, Ba Dật Đề.

(46)- Tỷ Khiêu Ni nào cố ý đoạt mạng súc sinh, Ba Dật Đề.

(47)- Tỷ Khiêu Ni nào biết nước có trùng mà uống dùng, Ba Dật Đề.

(48)- Tỷ Khiêu Ni nào cố ý xúc não Tỷ Khiêu Ni khác bằng cách gieo nghi ngờ cho họ, dù chỉ khiến cho lo lắng không yên tâm trong chốc lát, Ba Dật Đề.

(49)- Tỷ Khiêu Ni nào biết Tỷ Khiêu Ni khác phạm tội thô ác mà cố ý che giấu, Ba Dật Đề.

(50)- Tỷ Khiêu Ni nào biết tránh sự đã được dập tắt đúng pháp, sau đó lại khơi dậy, Ba Dật Đề.

(51)- Tỷ Khiêu Ni nào biết đó là giấc cướp mà hẹn đi chung một đường, dù chỉ đi qua phạm vi một thôn, Ba dật Đề.

(52)- Tỷ Khiêu Ni nào nói lời như sau: *“Tôi biết rằng theo Pháp mà Phật dạy thì việc hành dâm dục không phải là pháp chương đạo”*. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián Tỷ Khiêu Ni này rằng: *“Đại tỷ chớ nói*

lời như vậy, nói như vậy là hủy báng Thế Tôn, hủy báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Thế Tôn bằng vô số phương tiện dạy rằng dâm dục là pháp chướng đạo, việc hành dâm dục là pháp chướng đạo”. Tỷ Khiêu Ni này khi được các Tỷ Khiêu Ni can gián như vậy mà kiên trì không bỏ. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián cho bỏ việc ấy. Cho đến lần thứ ba, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Ba Dật Đề.

(53)- Tỷ Khiêu Ni nào biết người nói lời như thế chưa được Tăng tác pháp giải tội; có tà kiến như thế chưa bỏ lại cung cấp các nhu yếu, cùng làm yết-ma, cùng ở chung với nhau, Ba Dật Đề.

(54)- Nếu có Sa Di Ni nói lời như sau: *“Tôi biết rằng theo pháp mà Phật dạy thì việc hành dâm dục cũng không phải là pháp chướng đạo”*. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián Sa Di Ni này rằng: *“Người đừng nói lời như vậy, đừng phỉ báng Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn*

không nói như vậy. Nay Sa Di Ni! Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện, bằng nhiều thí dụ dạy rằng: Dâm dục là pháp chương đạo, việc hành dâm dục là pháp chương đạo". Sa Di Ni này khi được các Tỷ Khiêu Ni can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, các Tỷ Khiêu Ni nên can gián quả trách ba lần cho bỏ việc ấy. Khi can đến lần thứ ba, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, các Tỷ Khiêu Ni nên nói với Sa Di Ni ấy rằng: "Từ nay trở đi, người không phải đệ tử Phật, không được theo các Tỷ Khiêu Ni. Như các Sa Di Ni khác được phép ngủ hai đêm với Tỷ Khiêu Ni, nay người không được như vậy. Người hãy ra khỏi đây, hãy đi khuất khỏi chỗ này, không được sống ở đây nữa". Tỷ Khiêu Ni nào biết Sa Di Ni đã bị đuổi như vậy mà dụ đem về nuôi dưỡng, cho ở chung Ba Dật Đề.

(55)- Tỷ Khiêu Ni nào khi được các Tỷ Khiêu Ni khác can gián đúng pháp lại nói rằng: "Tôi nay không học giới này. Đợi đến

khi gặp bậc trì luật có trí tuệ và hiểu biết, tôi sẽ hỏi lại họ”. Ba Dật Đề. Nếu muốn hiểu biết thì nên hỏi.

(56)- Tỷ Khiêu Ni nào khi thuyết giới lại nói rằng: “Đại tỷ thuyết những giới nhỏ nhất, vụn vặt ấy làm gì? Khi nói đến những giới vụn vặt, nhỏ nhất này chỉ làm người ta lo buồn, xấu hổ, hoài nghi mà thôi”. Vì khinh chê giới, Ba Dật Đề.

(57)- Tỷ Khiêu Ni nào khi thuyết giới lại nói rằng: “Đại tỷ! Tôi bây giờ mới biết giới này rút ra từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần”. Các Tỷ Khiêu Ni biết rõ rằng Tỷ Khiêu Ni này đã ít nhất hai, ba lần dự nghe giới hướng chi nhiều lần. Tỷ khiêu Ni này bởi không biết, không hiểu nên nếu phạm tội gì thì phải trị tội ấy đúng pháp, lại trị thêm cả tội “vô tri”. Nên bảo vị ấy rằng: “Đại tỷ không được điều lợi, không được điều tốt đẹp. Khi thuyết giới, Đại tỷ đã không dụng tâm ghi nhớ, không một

lòng lắng tai nghe pháp”. Tỷ Khiêu Ni này do không học, không biết, Ba Dật Đề.

(58)- Tỷ Khiêu Ni nào đã cùng chung làm yết-ma, về sau lại nói rằng: *“Các Tỷ Khiêu Ni tùy theo chỗ thân quen nên đem vật của chúng Tăng cho họ”*, Ba Dật Đề.

(59)- Tỷ Khiêu Ni nào, khi Tăng đang đoán sự, không gửi dục mà đứng dậy đi ra, Ba Dật Đề.

(60)- Tỷ Khiêu Ni nào đã gửi dục, sau đó lại bất bình chê trách, Ba Dật Đề.

(61)- Tỷ Khiêu Ni nào, có các Tỷ Khiêu Ni tranh cãi nhau, sau đem lời đã nghe từ những người này kể lại cho người khác, Ba Dật Đề.

(62)- Tỷ Khiêu Ni nào vì sân giận nên không vui, đánh Tỷ Khiêu Ni khác, Ba Dật Đề.

(63)- Tỷ Khiêu Ni nào vì sân giận nên không vui, khua tay dọa đánh Tỷ Khiêu Ni khác, Ba Dật Đề.

(64)- Tỷ Khiêu Ni nào vì sân giận nên không vui, đem tội Tăng Già Bà Thi Sa không căn cứ vụ không người khác, Ba Dật Đề.

(65)- Tỷ Khiêu Ni nào, khi vua quán đỉnh dòng Sát Đế Lợi chưa ra, “bảo vật” chưa được thu cất mà vào cung vua, bước qua khỏi ngạch cửa, Ba Dật Đề.

(66)- Tỷ Khiêu Ni nào, bảo vật hay đồ trang sức bằng bảo vật, tự mình cầm nắm, Ba Dật Đề, trừ ở trong Tăng Già Lam và chỗ nghỉ nhờ qua đêm. Ở trong Tăng Già Lam hoặc chỗ nghỉ nhờ qua đêm, nếu thấy bảo vật hay đồ trang sức bằng bảo vật mà tự mình cầm, hoặc bảo người khác cầm thì nên nghĩ như sau: “Nếu người chủ nhận ra sẽ trao lại”. Chỉ với nhân duyên như vậy chứ không gì khác.

(67)- Tỷ Khiêu Ni vào xóm làng lúc phi thời mà không dặn bảo cho Tỷ Khiêu Ni khác biết, Ba Dật Đề.

(68)- Tỷ Khiêu Ni nào làm giường dây hay giường gỗ, độ cao của chân giường tính từ đầu chân giường đến chỗ ráp mộng vào thành giường chỉ được bằng ngón tay của Như Lai. Nếu quá, Ba Dật Đề, phải cắt bỏ cho vừa.

(69)- Tỷ Khiêu Ni nào dùng “Đâu La Miên” nhồi làm đệm trái giường dây, giường gỗ, hoặc nhồi làm đệm nằm, đệm ngồi, Ba Dật Đề.

(70)- Tỷ Khiêu Ni nào ăn tỏi, Ba Dật Đề.

(71)- Tỷ Khiêu Ni nào cạo lông ba chỗ, Ba Dật Đề.

(72)- Tỷ Khiêu Ni nào dùng nước tẩy tịnh, được dùng hai ngón tay, mỗi ngón một đốt. Nếu quá, Ba Dật Đề.

(73)- Tỷ Khiêu Ni nào dùng hồ giao làm nam căn, Ba Dật Đề.

(74)- Tỷ Khiêu Ni nào cùng nhau vô, Ba Dật Đề.

(75)- Tỳ Khiêu Ni nào thấy Tỳ Khiêu không bệnh, khi vị ấy ăn lại cung cấp nước, đứng trước mặt, dùng quạt quạt, Ba Dật Đề.

(76)- Tỳ Khiêu Ni nào xin hạt cây lương thực sống, Ba Dật Đề.

(77)- Tỳ Khiêu Ni nào đại tiểu tiện trên cỏ tươi, Ba Dật Đề.

(78)- Tỳ Khiêu Ni nào vào ban đêm đại tiểu tiện vào bờ, sáng sớm hôm sau không xem trước phía ngoài tường bèn đổ, Ba Dật Đề.

(79)- Tỳ Khiêu Ni nào đi xem, nghe ca vũ, biểu diễn tạp kỹ, Ba Dật Đề.

(80)- Tỳ Khiêu Ni nào vào làng, cùng đứng, cùng nói chuyện với người nam ở chỗ khuất, Ba Dật Đề.

(81)- Tỳ Khiêu Ni nào cùng người nam đi vào chỗ khuất vắng, chỗ có ngăn che, Ba Dật Đề.

(82)- Tỳ Khiêu Ni nào vào trong làng, tại ngõ hẻm khiến đồng bạn đi trước rồi

cùng đứng, cùng rửa tai nói thầm với người nam ở chỗ khuất, Ba Dật Đề.

(83)- Tỷ Khiêu Ni nào vào ngồi trong nhà bạch y, không từ biệt chủ nhà mà bỏ đi, Ba Dật Đề.

(84)- Tỷ Khiêu Ni nào vào trong nhà bạch y, không hỏi ý chủ nhà mà liền ngồi xuống giường hay ghế, Ba Dật Đề.

(85)- Tỷ Khiêu Ni nào vào trong nhà bạch y, không hỏi ý chủ nhà mà liền tự ý trải đồ nghỉ đêm, Ba Dật Đề.

(86)- Tỷ Khiêu Ni nào cùng người nam vào trong nhà tối, Ba Dật Đề.

(87)- Tỷ Khiêu Ni nào khi nghe mà không xét kỹ lời nói vội đem nói với người khác, Ba Dật Đề.

(88)- Tỷ Khiêu Ni nào chỉ vì một duyên cơ nhỏ vội thề thốt sẽ đọa ba đường ác, sẽ không được sinh trong Phật Pháp như nói rằng: *“Nếu tôi có việc như vậy thì sẽ đọa ba đường ác, không được sinh trong Phật pháp. Nếu cô có việc như vậy cũng*

sẽ đọa ba đường ác, không được sinh trong Phật pháp”, Ba Dật Đề.

(89)- Tỷ khiêu Ni nào cùng người khác tranh cãi lại không khéo ghi nhớ sự việc tranh cãi, dấm ngực gào khóc, Ba Dật Đề.

(90)- Tỷ Khiêu Ni nào không bệnh mà nằm chung hai người một giường, Ba Dật Đề.

(91)- Tỷ Khiêu Ni nào cùng nằm chung một giường, cùng đắp chung một chăn với Tỷ Khiêu Ni khác, Ba Dật Đề.

(92)- Tỷ Khiêu Ni nào biết người kia đã ở đó từ trước, mình là người đến sau; hoặc biết mình đã ở từ trước còn người kia đến sau, vì muốn gây xúc náo nên ở trước mặt họ tụng kinh, hỏi nghĩa, dạy dỗ nhau, Ba Dật Đề.

(93)- Tỷ Khiêu Ni nào sống chung với Tỷ Khiêu Ni bị bệnh mà không chăm sóc, Ba Dật Đề.

(94)- Tỷ Khiêu Ni nào, lúc mới nhập hạ đồng ý cho Tỷ Khiêu Ni khác kê giường ở

chung phòng với mình, về sau vì tức giận nên đuổi ra, Ba Dật Đề.

(95)- Tỷ Khiêu Ni nào trong cả ba mùa Xuân, Hạ, Đông đều du hành nhân gian, trừ khi có nhân duyên khác, Ba Dật Đề.

(96)- Tỷ Khiêu Ni nào hạ an cư đã xong mà không đi, Ba Dật Đề.

(97)- Tỷ Khiêu Ni nào, ở vùng biên giới, nơi nghi có hiểm nguy đe dọa mà vẫn du hành đến đó, Ba Dật Đề.

(98)- Tỷ Khiêu Ni nào ở giới nội, có nơi nghi sẽ xảy ra hiểm nguy đe dọa mà vẫn đi đến đó, Ba Dật Đề.

(99)- Tỷ Khiêu Ni nào thân cận nhà cư sĩ hay con cái nhà cư sĩ; cùng ở, cùng làm các việc không phải “hạnh tùy thuận”. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián Tỷ Khiêu Ni này rằng: “Này em! Em đừng thân cận nhà cư sĩ hay con cái nhà cư sĩ; cùng sống, cùng làm các việc trái với hạnh tùy thuận. Này em! Em hãy sống tách riêng. Nếu sống riêng thì ở trong Phật Pháp được tăng trưởng lợi

ích, sống an lạc”. Khi được các Tỷ Khiêu Ni can gián như vậy mà Tỷ Khiêu Ni này vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỷ Khiêu Ni nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Ba Dật Đề.

(100)- Tỷ Khiêu Ni nào đến vương cung xem các tòa nhà được tô vẽ trạm trổ rực rỡ, xem công viên, hồ phun nước, Ba Dật Đề.

(101)- Tỷ Khiêu Ni nào để lộ thân hình xuống tắm ở sông, suối, ao hồ, khe ngòi, những nơi nước chảy, Ba Dật Đề.

(102)- Tỷ Khiêu Ni nào may áo tắm thì phải may theo kích thước quy định. Kích thước quy định là dài sáu gang và rộng hai gang rưỡi tay Phật. Nếu may quá kích thước trên, Ba Dật Đề.

(103)- Tỷ Khiêu Ni nào may y Tăng Già Lê quá năm ngày, trừ trường hợp khi xả y công đức mà chưa đủ vải, phải chờ xin đủ để may y Tăng Già Lê; hoặc xảy ra sáu nạn sự, Ba Dật Đề.

(104)- Tỷ Khiêu Ni nào quá năm ngày mà không xem Tăng Già Lê, Ba Dật Đề.

(105)- Tỷ Khiêu Ni nào ngăn cản thí chủ cúng y cho Tăng, Ba Dật Đề.

(106)- Tỷ Khiêu Ni nào không hỏi mượn chủ mà tự tiện lấy y của họ đắp mặc, Ba Dật Đề.

(107)- Tỷ Khiêu Ni nào đem y của Samôn cho ngoại đạo và bạch y, Ba Dật Đề.

(108)- Tỷ Khiêu Ni nào vì sợ đệ tử của mình không được chia y nên có ý nghĩ: *“Chúng Tăng chia y đúng pháp, phải ngăn không cho chia”*, Ba Dật Đề.

(109)- Tỷ Khiêu Ni nào suy nghĩ như sau: *“Phải khiến cho chúng Tăng không xả y công đức vào lúc này, về sau sẽ xả”*, vì mục đích là muốn năm điều phóng xả được hưởng lâu thêm, Ba Dật Đề.

(110)- Tỷ Khiêu Ni nào suy nghĩ như sau: *“Phải ngăn Tỷ Khiêu Ni Tăng không cho xả y công đức”*, vì mục đích là muốn luôn được hưởng năm điều phóng xả, Ba Dật Đề.

(111)- Tỳ Khiêu Ni nào, khi được Tỳ Khiêu Ni khác bảo rằng: *“Xin hãy vì con diệt trừ tránh sự này”* mà không tìm phương tiện giúp đỡ trừ diệt tránh sự, Ba Dật Đề.

(112)- Tỳ Khiêu Ni nào tự tay mình cầm thức ăn đưa cho bạch y và ngoại đạo ăn, Ba Dật Đề.

(113)- Tỳ Khiêu Ni nào làm việc nhà cho bạch y, chịu họ sai bảo, Ba Dật Đề.

(114)- Tỳ Khiêu Ni nào tự tay mình xe sợi, Ba Dật Đề.

(115)- Tỳ Khiêu Ni nào vào trong nhà bạch y mà hoặc nằm, hoặc ngồi trên giường lớn, giường nhỏ nhà họ, Ba Dật Đề.

(116)- Tỳ Khiêu Ni nào đến trong nhà bạch y, nói với chủ nhà xin trải tòa nghỉ đêm. Sáng hôm sau không từ biệt chủ nhà mà đi, Ba Dật Đề.

(117)- Tỳ Khiêu Ni nào tập tụng chú thuật thế tục, Ba Dật Đề,

(118)- Tỳ Khiêu Ni nào dạy người tập tụng chú thuật thế tục, Ba Dật Đề.

(119)- Tỷ Khiêu Ni nào biết phụ nữ đang mang thai mà độ cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(120)- Tỷ Khiêu Ni nào biết phụ nữ có con nhỏ, còn đang trong giai đoạn cho bú mà cho thọ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(121)- Tỷ Khiêu Ni nào biết người nữ tuổi chưa đủ hai mươi mà cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(122)- Tỷ Khiêu Ni nào, không cho đồng nữ mười tám tuổi hai năm học giới, khi họ đủ hai mươi tuổi bèn cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(123)- Tỷ Khiêu Ni nào tuy cho đồng nữ mười tám tuổi hai năm học giới nhưng không trao lục pháp, khi họ đủ hai mươi tuổi bèn cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(124)- Tỷ Khiêu Ni nào đã cho đồng nữ hai năm học giới, đã trao lục giới pháp, tuổi đã đủ hai mươi nhưng chúng Tăng không đồng ý bèn cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(125)- Tỷ Khiêu Ni nào độ phụ nữ đã từng lấy chồng từ năm mười tuổi, đã cho hai năm học giới, khi tuổi đủ hai mươi thì cho phép được thụ giới Cụ Túc. Nếu tuổi chưa đủ hai mươi mà cho thọ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(126)- Tỷ Khiêu Ni nào độ phụ nữ đã từng lấy chồng từ thuở còn niên thiếu, đã cho hai năm học giới, tuổi đã đủ hai mươi nhưng không bạch Tăng mà vội cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(127)- Tỷ Khiêu Ni nào biết đó là dâm nữ mà cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(128)- Tỷ Khiêu Ni nào độ nhiều đệ tử mà trong hai năm không cho họ học giới; không dùng “hai pháp” để nuôi dạy, Ba Dật Đề.

(129)- Tỷ Khiêu Ni nào, sau khi thụ giới Cụ túc mà không theo Hòa thượng Ni học giới trong vòng hai năm, Ba Dật Đề.

(130)- Tỷ Khiêu Ni nào Ni Tăng không cho phép độ người mà vẫn cho người thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(131)- Tỷ Khiêu Ni nào chưa đủ mười hai tuổi hạ mà cho người thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(132)- Tỷ Khiêu Ni nào tuy đã đủ mười hai tuổi hạ nhưng chúng Tăng không cho phép mà vẫn thụ cho người giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(133)- Tỷ Khiêu Ni nào bị Tăng không cho phép độ người thụ giới Cụ túc bèn nói rằng: *“Chúng Tăng có thiên vị, có sân giận, có sợ hãi, có bất minh. Muốn cho liền cho, muốn cấm liền cấm”*, Ba Dật Đề.

(134)- Tỷ Khiêu Ni nào, cha mẹ hay chồng của họ không cho phép mà thụ giới Cụ túc cho họ, Ba Dật Đề.

(135)- Tỷ Khiêu Ni nào biết cô gái kia đang tương tư hoặc yêu đương đối với đồng nam hay đàn ông nên dễ lo sầu, cầu

giận mà độ cho xuất gia thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(136)- Tỷ Khiêu Ni nào nói với Thức Xoa Ma Na rằng: *“Này em! Em hãy bỏ cái này, học cái kia rồi Tôi sẽ cho em thụ giới Cụ túc”*. Nếu không tạo phương tiện cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(137)- Tỷ Khiêu Ni nào nói với Thức Xoa Ma Na rằng: *“Phải đem cúng tôi y, tôi mới cho thụ giới Cụ túc”*. Nhận y xong lại không tạo phương tiện cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(138)- Tỷ Khiêu Ni nào không đủ mười hai tuổi hạ mà truyền giới Cụ túc cho người, Ba Dật Đề.

(139)- Tỷ Khiêu Ni nào tác bản pháp truyền giới Cụ túc cho người rồi để cách đêm, hôm sau mới đưa đến trong Tỷ Khiêu Tăng để chính thức trao giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(140)- Tỳ Khiêu Ni nào không bệnh mà không đến tiếp nhận sự giáo giới của Giáo thụ sư, Ba Dật Đề.

(141)- Tỳ Khiêu Ni mỗi nửa tháng phải đến trong Tỳ Khiêu Tăng cầu giáo thụ. Nếu không đến cầu, Ba Dật Đề.

(142)- Tỳ Khiêu Ni Tăng hạ an cư xong phải đến trong Tỳ Khiêu Tăng cầu ba việc tự tứ là: Thấy, Nghe, Nghi. Nếu không như vậy, Ba Dật Đề.

(143)- Tỳ Khiêu Ni nào kết hạ an cư ở nơi không có Tỳ Khiêu, Ba Dật Đề.

(144)- Tỳ Khiêu Ni nào biết trong Tăng Già Lam có Tỳ Khiêu, không bạch mà vào, Ba Dật Đề.

(145)- Tỳ Khiêu Ni nào mắng nhiếc Tỳ Khiêu, Ba Dật Đề.

(146)- Tỳ Khiêu Ni nào ưa đấu tranh nhưng lại không khéo ghi nhớ sự việc tranh cãi, về sau trong lòng tức giận không vui mừng chúng Tỳ Khiêu Ni, Ba Dật Đề.

(147)- Tỳ Khiêu Ni nào trên thân sinh mụn nhọt và các vết nổi loét, không bạch chúng và người khác mà liền vội nhờ người nam mổ hoặc chữa trị, Ba Dật Đề.

(148)- Tỳ Khiêu Ni nào đã nhận lời mời trước rồi, nếu đã ăn no, sau đó còn ăn thêm cơm, bột cơm khô, cá hoặc thịt, Ba Dật Đề.

(149)- Tỳ Khiêu Ni nào sinh tâm ganh ghét, đố kỵ với Thầy, Ba Dật Đề.

(150)- Tỳ Khiêu Ni nào dùng hương bôi xoa trên thân, Ba Dật Đề.

(151)- Tỳ Khiêu Ni nào dùng các loại dầu bôi xoa trên thân, Ba Dật Đề.

(152)- Tỳ Khiêu Ni nào sai Tỳ Khiêu Ni xoa chà trên thân, Ba Dật Đề.

(153)- Tỳ Khiêu Ni nào sai Thức Xoa Ma Na xoa chà trên thân, Ba Dật Đề.

(154)- Tỳ Khiêu Ni nào sai Sa Di Ni xoa chà trên thân, Ba Dật Đề.

(155)- Tỳ Khiêu Ni nào sai phụ nữ thế tục xoa chà trên thân, Ba Dật Đề.

(156)- Tỳ Khiêu Ni nào mặc áo độn ngực, quần độn mông, Ba Dật Đề.

(157)- Tỳ Khiêu Ni nào cất chứa các đồ trang điểm làm đẹp của phụ nữ, trừ khi có lý do chính đáng, Ba Dật Đề.

(158)- Tỳ Khiêu Ni nào khi đi thì tay cầm ô, chân mang giày dép da, trừ có lý do chính đáng, Ba Dật Đề.

(159)- Tỳ Khiêu Ni nào không bệnh mà đi xe, Ba Dật Đề.

(160)- Tỳ Khiêu Ni nào vào thôn mà không mặc Tăng-kỳ-chi, Ba Dật Đề.

(161)- Tỳ Khiêu Ni nào không được mời từ trước mà đến nhà bạch y lúc trời sắp tối, Ba Dật Đề.

(162)- Tỳ Khiêu Ni nào lúc trời sắp tối mở cửa Tăng Già Lam đi ra mà không dặn bảo cho vị Tỳ Khiêu Ni khác biết, Ba Dật Đề.

(163)- Tỳ Khiêu Ni nào lúc mặt trời đã lặn, mở cửa Tăng Già Lam đi ra mà không dặn bảo, Ba Dật Đề.

(164)- Tỷ Khiêu Ni nào không tiền an cư, không hậu an cư, Ba Dật Đề.

(165)- Tỷ Khiêu Ni nào biết đó là người nữ mà đường đại tiểu tiện thường rỉ chảy, mũi dãi thường chảy ra mà cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(166)- Tỷ Khiêu Ni nào biết đó là người hai căn mà cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(167)- Tỷ Khiêu Ni nào biết đó là người mà đường đại tiện chung với đường tiểu tiện lại cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(168)- Tỷ Khiêu Ni nào biết đó là người mắc nợ, người có bệnh mà cho thụ giới Cụ túc, Ba Dật Đề.

(169)- Tỷ Khiêu Ni nào học các nghề thế tục để tự sinh nhai, Ba Dật Đề.

(170)- Tỷ Khiêu Ni nào đem các nghề thế tục dạy cho bạch y, Ba Dật Đề.

(171)- Tỷ Khiêu Ni nào bị đuổi mà không đi, Ba Dật Đề.

(172)- Tỷ Khiêu Ni nào muốn hỏi vị Tỷ Khiêu về nghĩa lý, không xin phép trước mà hỏi, Ba Dật Đề.

(173)- Tỷ Khiêu Ni nào biết người kia đã ở đó từ trước, mình đến sau; hoặc mình ở từ trước, họ đến sau mà vì muốn gây nhiễu loạn nên hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm trước mặt họ, Ba Dật Đề.

(174)- Tỷ Khiêu Ni nào biết trong Tăng Già Lam có Tỷ Khiêu mà xây tháp Ni, Ba Dật Đề.

(175)- Tỷ Khiêu Ni nào khi thấy các vị Tỷ Khiêu mới thụ giới thì phải đứng dậy, đi ra nghinh tiếp, cung kính lễ bái, ân cần hỏi thăm, sắp ghế mời ngồi. Nếu không làm như vậy, trừ nhân duyên, Ba Dật Đề.

(176)- Tỷ Khiêu Ni nào vì để làm dáng nên đi uốn éo rảo bước, Ba Dật Đề.

(177)- Tỷ Khiêu Ni nào trang điểm làm đẹp như phụ nữ, bôi xoa hương trên thân, Ba Dật Đề.

(178)- Tỷ Khiêu Ni nào sai nữ ngoại đạo dùng hương bôi xoa trên thân, Ba Dật Đề.

Thưa các Đại tỷ! Tôi đã tụng xong một trăm bảy tám pháp Ba Dật Đề.

Nay hỏi các Đại tỷ trong đây có thanh tịnh không? (3 lần)◉

Các Đại tỷ trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc ấy xin ghi nhận như vậy. ◉◉◉

Thưa các Đại tỷ! Đây là tám pháp Ba La Đề Đề Xá Ni, rút ra từ Giới Kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần. ◉

(1)- Tỷ Khiêu Ni nào không bệnh mà xin bơ rồi ăn thì phạm pháp đáng khiển trách phải sám hối. Tỷ Khiêu Ni ấy phải hướng đến một vị Tỷ Khiêu Ni khác phát lộ rằng: *“Thưa Đại tỷ! Con phạm vào pháp đáng khiển trách, làm điều không nên làm. Nay con xin hướng vào Đại tỷ sám hối”*. Gọi là pháp hối quá.

(2)- Tỷ Khiêu Ni nào không bệnh mà xin dầu ăn rồi ăn thì phạm pháp đáng

khiển trách phải sám hối. Tỷ Khiêu Ni ấy phải hướng đến một vị Tỷ Khiêu Ni khác phát lộ rằng: *“Thưa Đại tỷ! Con phạm vào pháp đáng khiển trách, làm điều không nên làm. Nay con xin hướng vào Đại tỷ sám hối”*. Gọi là pháp hối quá.

(3)- Tỷ Khiêu Ni nào không bệnh mà xin mật ong rồi ăn thì phạm pháp đáng khiển trách phải sám hối. Tỷ Khiêu Ni ấy phải hướng đến một vị Tỷ Khiêu Ni khác phát lộ rằng: *“Thưa Đại tỷ! Con phạm vào pháp đáng khiển trách, làm điều không nên làm. Nay con xin hướng vào Đại tỷ sám hối”*. Gọi là pháp hối quá.

(4)- Tỷ Khiêu Ni nào không bệnh mà xin đường phèn rồi ăn thì phạm pháp đáng khiển trách phải sám hối. Tỷ Khiêu Ni ấy phải hướng đến một vị Tỷ Khiêu Ni khác phát lộ rằng: *“Thưa Đại tỷ! Con phạm vào pháp đáng khiển trách, làm điều không nên làm. Nay con xin hướng vào Đại tỷ sám hối”*. Gọi là pháp hối quá.

(5)- Tỷ Khiêu Ni nào không bệnh mà xin sữa rồi ăn thì phạm pháp đáng khiển trách phải sám hối. Tỷ Khiêu Ni ấy phải hướng đến một vị Tỷ Khiêu Ni khác phát lộ rằng: “Thưa Đại tỷ! Con phạm vào pháp đáng khiển trách, làm điều không nên làm. Nay con xin hướng vào Đại tỷ sám hối”. Gọi là pháp hối quá.

(6)- Tỷ Khiêu Ni nào không bệnh mà xin sữa đặc rồi ăn thì phạm pháp đáng khiển trách phải sám hối. Tỷ Khiêu Ni ấy phải hướng đến một vị Tỷ Khiêu Ni khác phát lộ rằng: “*Thưa Đại tỷ! Con phạm vào pháp đáng khiển trách, làm điều không nên làm. Nay con xin hướng vào Đại tỷ sám hối*”. Gọi là pháp hối quá.

(7)- Tỷ Khiêu Ni nào không bệnh mà xin cá rồi ăn thì phạm pháp đáng khiển trách phải sám hối. Tỷ Khiêu Ni ấy phải hướng đến một vị Tỷ Khiêu Ni khác phát lộ rằng: “*Thưa Đại tỷ! Con phạm vào pháp đáng*

khẩn trách, làm điều không nên làm. Nay con xin hướng vào Đại tỳ sám hối". Gọi là pháp hối quá.

(8)- Tỳ Khiêu Ni nào không bệnh mà xin thịt rồi ăn thì phạm pháp đáng khiến trách phải sám hối. Tỳ Khiêu Ni ấy phải hướng đến một vị Tỳ Khiêu ấy phải hướng đến một vị Tỳ Khiêu Ni khác phát lộ rằng: *"Thưa Đại tỳ! Con phạm vào pháp đáng khiến trách, làm điều không nên làm. Nay con xin hướng vào Đại tỳ sám hối"*. Gọi là pháp hối quá.

Thưa các Đại tỳ! Tôi đã tụng xong tám pháp Ba La Đề Đề Xá Ni.

Nay xin hỏi các Đại tỳ trong đây có thanh tịnh không? (3 lần) ◎

Các Đại tỳ trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc ấy xin ghi nhận như vậy. ◎ ◎ ◎

Thưa các Đại tỳ! Đây là một trăm pháp chúng học, rút ra từ Giới Kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần. ◎

(1)- Mặc quần cho tề chỉnh, cần phải học.

(2)- Mặc năm y cho tề chỉnh, cần phải học.

(3)- Không được vắt ngược y khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

(4)- Không được vắt ngược y khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

(5)- Không được quần y quanh cổ khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

(6)- Không được quần y quanh cổ khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

(7)- Không được che, trùm đầu khi đi vào trong nhà bạch y, cần phải học.

(8)- Không được che, trùm đầu khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

(9)- Không được vừa đi vừa nhẩy khi vào trong nhà bạch y, cần phải học.

(10)- Không được nhún nhẩy khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

(11)- Không ngồi chồm hồm trong nhà bạch y, cần phải học.

(12)- Không được chống nạnh khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

(13)- Không được chống nạnh khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

(14)- Không được uốn éo thân khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

(15)- Không được uốn éo thân khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

(16)- Không được vung vẩy, khoát tay khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

(17)- Không được vung vẩy, khoát tay khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

(18)- Khéo che kín thân thể khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

(19)- Khéo che kín thân thể khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

(20)- Không được nhìn ngang ngó dọc khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

(21)- Không được nhìn ngang ngó dọc khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

(22)- Khẽ tiếng khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

(23)- Khẽ tiếng khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

(24)- Không được cười đùa khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

(25)- Không được cười đùa khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

(26)- Chính ý thụ nhận thức ăn, cần phải học.

(27)- Nhận cơm vừa ngang bát, cần phải học.

(28)- Nhận thức ăn vừa ngang bát, cần phải học.

(29)- Ăn cơm và thức ăn cùng lúc, cần phải học.

(30)- Theo thứ tự mà ăn, cần phải học.

(31)- Không được moi giữa bát khi ăn, cần phải học.

(32)- Không bệnh thì không được tự đòi hỏi cho mình cơm và thức ăn, cần phải học.

(33)- Không được lấy cơm che lấp thức ăn để mong được nhận thêm, cần phải học.

(34)- Không được liếc nhìn vào trong bát người ngồi gần rồi sinh tâm so bì, cần phải học.

(35)- Chú ý vào bát khi ăn, cần phải học.

(36)- Không được ăn vắt cơm lớn, cần phải học.

(37)- Không được há to miệng đợi cơm khi ăn, cần phải học.

(38)- Không được miệng còn đang ngậm cơm mà nói, cần phải học.

(39)- Không được nắm cơm rồi từ xa tung vào miệng, cần phải học.

(40)- Không được vắt cơm cắn một nửa còn một nửa cầm trên tay, cần phải học.

(41)- Không được phồng má khi ăn, cần phải học.

(42)- Không được nhai cơm có tiếng khi ăn, cần phải học.

(43)- Không được hút cơm có tiếng khi ăn, cần phải học.

(44)- Không được lấy lưỡi liếm khi ăn cần phải học.

(45)- Không được rảy tay khi ăn, cần phải học.

(46)- Không được dùng tay nhặt cơm rơi vãi rồi ăn, cần phải học.

(47)- Không được tay bắn cầm vào đồ đựng thức ăn và nước uống, cần phải học.

(48)- Không được đổ nước rửa bát trong nhà bạch y, cần phải học.

(49)- Không được đại tiểu tiện, hỉ mũi, khạc nhổ trên rau cỏ sống, trừ bệnh, cần phải học.

(50)- Không được đại tiểu tiện, hỉ mũi, khạc nhổ trong nước sạch, trừ bệnh, cần phải học.

(51)- Không được đứng đại tiểu tiện, trừ bệnh, cần phải học.

(52)- Không được thuyết pháp cho người vắt ngược y không có tâm cung kính, trừ bệnh, cần phải học.

(53)- Không được thuyết pháp cho người quấn y quanh cổ, trừ bệnh, cần phải học.

(54)- Không được thuyết pháp cho người che, trùm trên đầu, trừ bệnh, cần phải học.

(55)- Không được thuyết pháp cho người quần khăn trên đầu, trừ bệnh, cần phải học.

(56)- Không được thuyết pháp cho người chống nạnh, trừ bệnh, cần phải học.

(57)- Không được thuyết pháp cho người đi giày dép da, trừ bệnh, cần phải học.

(58)- Không được thuyết pháp cho người đi guốc gỗ, trừ bệnh, cần phải học.

(59)- Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa, ngồi xe, trừ bệnh, cần phải học.

(60)- Không được ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ để bảo vệ, cần phải học.

(61)- Không được cất giấu tài vật trong tháp Phật, trừ để cho chắc chắn, cần phải học.

(62)- Không được đi giày dép da vào trong tháp Phật, cần phải học.

(63)- Không được tay cầm giày dép da mang vào trong tháp Phật, cần phải học.

(64)- Không được đi giày dép da nhiều quanh Tháp Phật, cần phải học.

(65)- Không được đi giày, ủng vào trong tháp Phật, cần phải học.

(66)- Không được tay cầm giày, ủng mang vào trong tháp Phật, cần phải học.

(67)- Không được ngồi ăn dưới tháp rồi bỏ lại cỏ và thức ăn làm bẩn đất, cần phải học.

(68)- Không được khiêng tử thi đi qua dưới tháp, cần phải học.

(69)- Không được khiêng tử thi dưới tháp, cần phải học.

(70)- Không được tiêu tử thi dưới tháp, cần phải học.

(71)- Không được đối diện với tháp thiêu tử thi, cần phải học.

(72)- Không được ở xung quanh bốn phía tháp Phật thiêu tử thi làm mùi hôi thối xông vào, cần phải học.

(73)- Không được mang áo và giường của người chết đi qua dưới tháp Phật, trừ khi đã giặt, nhuộm, xông hương, cần phải học.

(74)- Không được đại tiểu tiện dưới tháp Phật, cần phải học.

(75)- Không được hướng về phía tháp Phật đại tiểu tiện, cần phải học.

(76)- Không được đại tiểu tiện ở bốn phía xung quanh tháp Phật khiến mùi hôi thối xông vào, cần phải học.

(77)- Không được mang tượng Phật đến nơi đại tiểu tiện, cần phải học.

(78)- Không được đánh xỉa răng dưới tháp Phật, cần phải học.

(79)- Không được hướng về phía tháp Phật đánh xỉa răng, cần phải học.

(80)- Không được ở bốn phía xung quanh tháp Phật đánh xỉa răng, cần phải học.

(81)- Không được hỉ mũi, khạc nhổ dưới tháp Phật, cần phải học.

(82)- Không được hướng về phía tháp Phật hỉ mũi, khạc nhổ, cần phải học.

(83)- Không được ở bốn phía xung quanh tháp Phật hỉ mũi, khạc nhổ, cần phải học.

(84)- Không được ngồi duỗi chân về phía tháp Phật, cần phải học.

85)- Không được đặt tháp Phật ở phòng dưới còn mình ở phòng trên, cần phải học.

(86)- Người ngồi mà mình đứng thì không thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

(87)- Người nằm mà mình ngồi thì không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

(88)- Người ngồi ở chỗ trang trọng còn mình ngồi ở chỗ kém trang trọng hơn thì không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

(89)- Người ngồi ở chỗ cao còn mình ngồi ở chỗ thấp thì không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

(90)- Người đi trước còn mình đi sau thì không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

(91)- Người ngồi ở chỗ kinh hành cao còn mình ở chỗ kinh hành thấp thì không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

(92)- Người ở giữa đường còn mình ở bên lề đường thì không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

(93)- Không được nắm tay nhau khi đi đường, cần phải học.

(94)- Không được leo lên cây cao quá đầu người, trừ trường hợp đặc biệt, cần phải học.

(95)- Không được bỏ bát trong đây rồi xỏ vào đầu gậy, vác trên vai mà đi, cần phải học.

(96)- Người cầm gậy không cung kính thì không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

(97)- Người cầm kiếm thì không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

(98)- Người cầm mâu thì không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

(99)- Người cầm đao thì không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

(100)- Người cầm ô thì không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

Thưa các Đại tỳ! Tôi đã tụng xong một trăm pháp chúng học.

Nay hỏi các Đại tỳ trong đây có thanh tịnh không? (3 lần) ◉

Các Đại tỳ trong đây im lặng. Việc ấy xin ghi nhận như vậy. ◉ ◉ ◉

Thưa các Đại tỳ! Đây là bảy pháp Diệt tránh, rút ra từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần. Nếu có tránh sự xảy ra thì các Tỳ Khiêu Ni phải cùng nhau trừ diệt. ◉

(1)- Cần giải quyết bằng Hiện Tiền Tỳ Ni, phải giải quyết bằng Hiện Tiền Tỳ Ni.

(2)- Cần giải quyết bằng Ưc Niệm Tỳ Ni, phải giải quyết bằng Ưc Niệm Tỳ Ni.

(3)- Cần giải quyết bằng Bất Si Tỳ Ni, phải giải quyết bằng Bất Si Tỳ Ni.

(4)- Cần giải quyết bằng Tự Ngôn Trị, phải giải quyết bằng Tự Ngôn Trị.

(5)- Cần giải quyết bằng Mịch Tội Tướng, phải giải quyết bằng Mịch Tội Tướng.

(6)- Cần giải quyết bằng Đa Nhân Mịch Tội Tướng, phải giải quyết bằng Đa Nhân Mịch Tội Tướng.

(7)- Cần giải quyết bằng Thảo Phú Địa, phải giải quyết bằng Thảo Phú Địa.

Thưa các Đại tỳ! Tôi đã tụng xong bảy pháp Diệt tránh.

Nay hỏi các Đại tỳ trong đây có thanh tịnh không? (3 lần) ○

Các Đại tỳ trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc ấy xin ghi nhận như vậy. ○○○

Thưa các Đại tỳ! Tôi đã tụng bài tựa Giới kinh; đã tụng tám pháp Ba La Di; đã tụng mười bảy pháp Tăng Già Bà Thi Sa; đã tụng ba mươi pháp Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề; đã tụng một trăm bảy tám pháp Ba Dật Đề; đã tụng tám pháp Ba La Đề Đề Xá Ni; đã tụng một trăm pháp chúng học; đã tụng bảy pháp Diệt Tránh. Đó là những điều Phật đã thuyết, rút ra từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần. Cũng còn có các Phật pháp khác nữa, trong đây cần phải cùng hòa hợp học tập:

Nhấn nhục: hạnh bậc nhất,
 Niết Bàn: Đạo tối thượng,
 Xuất gia nào hại người,
 Không xứng danh Sa Môn.

Đây là Giới Kinh mà Đức Tỳ Bà Thi Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, đã giảng dạy. ○

Cũng như người mắt sáng,
 Tránh được lối hiểm nghèo,
 Bậc có trí trong đời,
 Tránh xa các xấu ác.

Đây là Giới kinh mà Đức Thi Khí Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, đã giảng dạy. ○

Không bán bỏ tật đổ,
Vâng hành các học giới,
Ăn uống biết vừa đủ,
Thường ưa nơi thanh vắng,
Tâm định, vui tinh tiến,
Là lời chư Phật dạy.

Đây là Giới kinh mà Đức Tỳ Diếp La Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, đã giảng dạy. ○

Như ong đến tìm hoa,
Không hại sắc và hương,
Chỉ hút mật rồi đi,
Tỷ Khiêu Ni vào xóm,
Không chống trái việc người,
Người làm hay không làm,
Chỉ xét hành vi mình,
Đoan chính, không đoan chính.

Đây là Giới kinh mà Đức Câu Lưu Tôn Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, đã giảng dạy. ○

Chớ để tâm buông lung,
Thánh Pháp nên siêng học,
Như thế dứt ưu sầu,
Tâm định nhập Niết-Bàn.

Đây là Giới kinh mà Đức Câu Na Hàm
Mâu Ni Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng
Chính Giác, đã giảng dạy. ◉

Hết thấy ác chớ làm,
Hãy làm các điều lành,
Tự lắng trong tâm chí,
Là lời chư Phật dạy.

Đây là Giới kinh mà Đức Ca Diếp Như
Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, đã
giảng dạy. ◉

Khéo phòng hộ lời nói,
Tâm chí tự lắng trong,
Thân không làm các ác,
Ba tịnh nghiệp đạo này,
Thực hành được như thế,
Là đạo lớn chư Phật.

Đây là Giới kinh mà Đức Thích Ca Mâu
Ni Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chính

Giác đã giảng dạy cho các Tỷ Khiêu vô sự trong khoảng mười hai năm đầu. Từ đó về sau được phân biệt giảng nói rộng rãi. Các Tỷ Khiêu Ni tự mình hâm mộ Chính pháp, hâm mộ hạnh Sa-môn, có tâm có quý, ưa thích học giới hãy siêng học ở đây. ○

Kẻ trí khéo hộ giới,
Sẽ được ba điều vui:
Danh thơm và lợi dưỡng,
Sau khi chết sinh Thiên.

Nên quan sát điều này,
Bậc trí siêng hộ giới,
Giới tịnh sinh trí tuệ,
Thành tựu đạo tối thượng.

Như chư Phật quá khứ,
Và chư Phật vị lai,
Các Thế Tôn hiện tại,
Đấng chiến thắng khổ đau.

Đều cùng tôn kính giới,
Đây là pháp chư Phật,
Nếu ai vì tự thân,
Mong cầu nơi Phật đạo.

Hãy tôn trọng Chính pháp,
Đây lời chư Phật dạy,
Bảy Đức Phật Thế Tôn,
Diệt trừ sạch kết sử.

Thuyết bảy Giới Kinh này,
Giải thoát mọi trói buộc,
Các Ngài đã Niết-Bàn,
Các hý luận vắng bật.

Tuân hành lời Phật dạy,
Thánh hiền khen ngợi Giới,
Đệ tử thuận hành theo,
Thảy đều nhập Niết-Bàn.

Thế Tôn khi Niết Bàn,
Vận khởi tâm đại bi,
Họp các chúng Tỷ Khiêu,
Ban giáo giới như sau:
Chớ nghĩ Ta Niết Bàn,
Không còn ai chặn dắt.
Giới kinh và Tỳ Ni,
Những điều ta dạy rõ,
Hãy xem đó như Phật,
Dù Ta nhập Niết Bàn.

Giới kinh nếu còn mãi,
Phật pháp còn hưng thịnh,
Do sự hưng thịnh ấy,
Niết Bàn được chứng nhập.
Nếu không trì giới này,
Không bố tát như pháp,
Khác nào Mặt Trời lặn,
Thế giới thành tối tăm.

Hãy hộ trì giới ấy,
Như Trâu mao tiếc đuôi,
Hòa hợp ngồi một chỗ,
Như lời Phật đã dạy.

Tôi đã thuyết Giới kinh,
Ni Tăng Bá tát xong,
Tôi nay thuyết Giới kinh,
Công đức thuyết giới này,
Nguyện ban khắp chúng sinh,
Cùng trọn thành Phật đạo.

Phật thuyết Tỷ Khiêu Ni 348 Giới Kinh.

(Đã xong)

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(3 lần) ○ ○ ○

Ba vị sau khi tụng giới xong ra trước đại Tăng, một vị đại diện đứng ở bạch tạ rằng: *“Kính bạch trên chư tôn Đại đức Ni Tăng, chúng con là Tỷ khiêu ni... kính tạ đại chúng tăng sai tụng giới, ba nghiệp không chuyên, tụng không lưu loát, ngồi lâu trễ nải, khiến chúng sinh náo, kính mong đại chúng từ bi, bố thí hoan hỷ”*.

(Xá 1 xá rồi lui ra)

(Đại chúng cùng chấp tay tụng hồi hướng)

TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

Khi ngài Quán Tự Tại Bồ Tát, thực hành sâu xa pháp Bát nhã Ba la mật đa. Ngài soi thấy năm uẩn đều không liên độ thoát hết thấy khổ ách.

Này ông Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là Sắc; Thụ, Tưởng, Hành, Thức cũng đều như thế.

Này ông Xá Lợi Tử! Tướng không của mọi pháp, không sinh, không diệt, không nhờ, không sạch, không thêm, không bớt;

cho nên trong chân không, không có Sắc, không có Thụ, Tưởng, Hành, Thức; không có Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý; không có Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp; không có nhân giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có cái hết vô minh; cho đến già, chết, cũng không có cái hết già, chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí tuệ, cũng không có chứng đắc, vì không có chỗ chứng đắc.

Bồ Tát y theo Bát nhã Ba la mật đa, nên tâm không ngăn ngại, vì không ngăn ngại, nên không sợ hãi, xa hẳn mộng tưởng điên đảo, đạt tới Cứu kính Niết bàn. Chư Phật trong ba đời cũng y vào Bát nhã Ba la mật đa mà được đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Cho nên biết Bát nhã Ba la mật đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, trừ được hết thảy khổ; chân thực không hư.

Vì vậy nói ra bài chú Bát nhã Ba la mật đa, liền nói bài chú rằng: “Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ Đề tát bà ha, ma ha Bát Nhã Ba La Mật Đa”.

(3 lần) ◎

Tụng giới công đức, thù thắng hạnh
 Vô biên thắng phúc giai hồi hướng,
 Phổ nguyện trầm lịch chư chúng sinh
 Tốc vãng vô lượng quang Phật sái,
 Thập phương tam thế nhất thiết Phật
 Chư Tôn Bồ Tát Ma Ha Tát
 Ma ha bát nhã ba la mật

Tứ sinh cứu hữu đồng đẳng, hoa tạng
 huyền môn, bát nạn tam đồ cộng nhập tỳ
 lữ tính hải.

Nam mô Sa Bà Thế Giới, Tam Giới
 Đạo Sư, Tứ Sinh Từ Phụ, Nhân Thiên
 Giáo Chủ, Thiên Bách Úc Hóa Thân, Bản
 Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lần) ◎ ◎ ◎

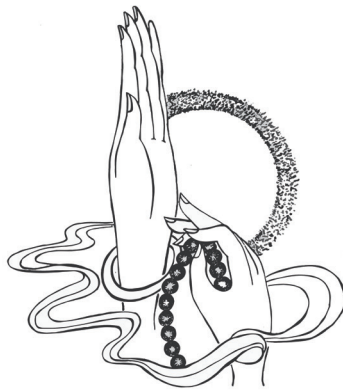
Tự quy y Phật, đương nguyện chúng
 sinh, thể giải đại đạo, Phát vô thượng tâm.
 (1 lễ) ◎

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng
 sinh, thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải.
 (1 lễ) ◎

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng
 sinh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô
 ngại. (1 lễ) ◎

Hòa nam Thánh chúng
Nguyện dĩ thử công đức
Phổ cập ư nhất thiết
Ngã đẳng giữa chúng sinh
Giai công thành Phật đạo.

○○○





Nam Mô Hộ Pháp Chư Tôn Bồ Tát Ma Ha Tát

